CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VNG
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VNG
DN: OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0303490096, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VNG, S=Hồ Chí Minh, C=VN
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.01.30 17:58:03+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2024.4.0

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
VNG GROUP JSC	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
---	***THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM***
Số/*No.*: 02/2026/CBTT-VNGG	***Independence - Freedom - Happiness***

	TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2026
	Ho Chi Minh City, 30 January 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: Uỷ ban chứng khoán nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
To: State Securities Commission of Vietnam
Hanoi Stock Exchange

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VNG**
   *Name of organization: **VNG GROUP JSC***
   - Mã chứng khoán: VNZ
     Stock code: VNZ
   - Địa chỉ: Z06 Đường số 13, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
     Address: Z06 Street No. 13, Tan Thuan Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
   - Điện thoại liên hệ/*Tel.:* (028) 3962388 Fax: E-mail:

2. Nội dung thông tin công bố/*Information announcement:*

   Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn VNG trân trọng công bố Báo Cáo Tình Hình Quản Trị Công Ty Năm 2025 số 03/2026/BC-VNGG như file đính kèm.
   VNG Group JSC would like to announce the Report on Corporate Governance Annual of 2025 No. 03/2026/BC-VNGG as enclosed.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn:/*This information was published on the company's website, as in the link:*
   https://vng.com.vn/news/shareholders/report-on-corporate-governance-annual-of-2025.html

   Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.
   We hereby undertake that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the laws.

Nơi nhận/*Recipients:*
- Như trên/*As above;*
- Lưu văn thư/*Filing/.*

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
ORGANIZATION REPRESENTATIVE
NGƯỜI ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
AUTHORIZED PERSON TO DISCLOSE INFORMATION

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VNG
VNG
0303490096

TAN WEI MING

HẦN TẬP ĐOÀN VNG
VNG
03490096

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VNG ***VNG GROUP JSC*** -------- Số/*No.*: 03/2026/BC-VNGG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ***THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*** ***Independence - Freedom – Happiness*** ----------

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2026
Ho Chi Minh City, 30 January 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
NĂM 2025
2025 ANNUAL REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE

Kính gửi/*To*:
- **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC;**
  THE STATE SECURITIES COMMISSION;
- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI.**
  THE STOCK EXCHANGE OF HA NOI.

- Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VNG**
  Name of company: ***VNG GROUP JSC***

- Địa chỉ trụ sở chính: Z06 Đường số 13, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
  Address of head office: Z06 Street No. 13, Tan Thuan Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

- Điện thoại/*Telephone:* 028 3962 3888 Fax: 0283 962 4666
  Email: huyencm@vng.com.vn

- Vốn điều lệ tính đến hết kỳ báo cáo 31/12/2025: 293.769.740.000 đồng
  Charter capital as at 31 December 2025: VND 293,769,740,000

- Mã chứng khoán: VNZ
  Stock code: VNZ

- Mô hình quản trị công ty: Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và Tổng Giám Đốc.
  Governance model: General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Board of Supervisors, Chief Executive Officer.

- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện.
  Regarding the implementation of internal audit: fully implemented.

I. Hoạt động của Đại Hội Đồng Cổ Đông
Activities of the General Meeting of Shareholders

Thông tin về các cuộc họp và Nghị Quyết/Quyết Định của Đại Hội Đồng Cổ Đông (bao gồm cả các Nghị Quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản):
Information on meetings, Resolutions and Decisions of the General Meeting of Shareholders (including the Resolutions of the General Meeting of Shareholders approved in the form of written resolution):

STT *No.*	Số Nghị quyết/Quyết định *Resolution/Decision No.*	Ngày *Date*	Nội dung *Content*
1	01/2025/NQ-ĐHĐCĐ	21/06/2025	Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2025, các báo cáo và các vấn đề khác theo quy định pháp luật. *Approving 2025 business plan, reports and other matters in accordance with the laws.*
2	02/2025/NQ-ĐHĐCĐ	15/12/2025	Thông qua việc điều chỉnh một số nội dung liên quan đến Kế hoạch thực hiện chương trình ESOP năm 2025; Thông qua việc quy định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa; Thông qua việc điều chỉnh ngành nghề kinh doanh và cập nhật Điều lệ tương ứng. *Approving the adjustment of specific contents in relation to 2025 Plan on implementation of the ESOP; Approving the maximum foreign ownership limit of the Company; Approving the adjusment of business lines and corresponding amendment to the Charter.*

II. Hội Đồng Quản Trị (Báo cáo năm)
The Board of Directors (Annual report)

1. Thông tin về Thành viên Hội Đồng Quản Trị ("HĐQT")
The information of the Members of the Board of Directors ("BOD")

STT *No.*	Thành viên HĐQT *Members of the BOD*	Chức vụ *Position*	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT *The date becoming/ceasing to be the Member of the BOD*		
			Ngày bổ nhiệm *Date of appointment*	Ngày miễn nhiệm *Date of dismissal*	Ghi chú *Note*
1	Ông Lê Hồng Minh *Mr. Le Hong Minh*	Chủ Tịch HĐQT *Chairman of the BOD*	25/11/2024		Bổ nhiệm lại theo nhiệm kỳ 2025 – 2030/ *Re-appointed for office term 2025-2030:* 22/06/2025
2	Ông Vương Quang Khải *Mr. Vuong Quang Khai*	Phó Chủ tịch HĐQT *Vice Chairman of the BOD*	27/11/2025		Bổ nhiệm lại theo nhiệm kỳ 2025 – 2030/ *Re-appointed for office term 2025-2030:* 22/06/2025. Bầu Phó Chủ Tịch HĐQT vào ngày 27/11/2025 *Elected Vice Chairman of the BOD on 27 November 2025*
3	Bà Christina Gaw *Ms. Christina Gaw*	Thành viên HĐQT độc lập *Independent BOD Member*	09/12/2022		Bổ nhiệm lại theo nhiệm kỳ 2025 – 2030/ *Re-appointed for office term 2025-2030:* 21/06/2025
4	Ông Edphawin Jetjirawat *Mr. Edphawin Jetjirawat*	Thành viên HĐQT độc lập *Independent BOD Member*	09/12/2022		

2. Các cuộc họp HĐQT
Meetings of the BOD

STT *No.*	Thành viên HĐQT *Members of the BOD*	Số buổi họp HĐQT tham dự *Number of meetings attended by BOD*	Tỷ lệ tham dự họp *Attendance rate*	Lý do không tham dự họp *Reasons for absence*
1	Ông Lê Hồng Minh *Mr. Le Hong Minh*	16	100%	
2	Ông Vương Quang Khải *Mr. Vuong Quang Khai*	16	100%	
3	Bà Christina Gaw *Ms. Christina Gaw*	16	100%	
4	Ông Edphawin Jetjirawat *Mr. Edphawin Jetjirawat*	16	100%	

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám Đốc ("Ban TGĐ")
Supervision of the Senior Management Team ("SMT") by the BOD

Căn cứ Điều Lệ Công Ty, HĐQT đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của TGĐ và những Người Quản Lý khác trong việc điều hành sản xuất kinh doanh và triển khai các nghị quyết của HĐQT trong năm 2025 như sau:
Based on the Company's Charter, the BOD supervised the Chief Executive Officer and other Managers in managing business activities and implementing the resolutions of the BOD in 2025 as follows:

a. Nội dung giám sát:
Supervisory activities:
HĐQT đã tiến hành giám sát các hoạt động của Tổng Giám Đốc và những Người Quản Lý khác ở các nội dung công việc như sau:
The BOD supervised the activities of the Chief Executive Officer and other Managers as follows:

(i) Kế hoạch đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh;
Investment plan for production and business development;

(ii) Lập và trình bày báo cáo tài chính;
Preparation and presentation of financial statements;

(iii) Hoạch định nguồn nhân lực; và
Planning human resources; and

(iv) Triển khai thực hiện các nghị quyết của HĐQT.
Execution of the BOD's resolutions.

b. Phương pháp giám sát:
Method of supervision:
HĐQT đã giám sát tính đầy đủ của các nội dung trên qua việc thiết lập chương trình làm việc của các cuộc họp HĐQT. HĐQT đã trao đổi, thảo luận, chất vấn Tổng Giám Đốc và những Người Quản Lý tại các cuộc họp HĐQT và qua trao đổi thư điện tử, điện thoại và tiếp xúc trực tiếp nhằm đảm bảo tính hiệu lực, hiệu quả, phù hợp và kịp thời.
The BOD has monitored the adequacy of the above tasks by compiling the agendas for the BOD. The BOD has exchanged, discussed, and questioned the Chief Executive Officer and other Managers at BOD meetings and corresponded through emails, conference calls, and direct contacts (electronic and in-person) to ensure the validity, efficiency, relevance and timeliness.

c. Kết quả giám sát:
Supervisory results:
Căn cứ vào báo cáo của Tổng Giám Đốc và kết quả thực tế tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh, HĐQT ghi nhận kết quả như sau:
Based on the report of the Chief Executive Officer and actual business performance, the BOD has recorded the following results:

(i) Tổng Giám Đốc và các Nhà Quản Lý đã triển khai thực hiện tốt các hoạt động theo ủy quyền, phù hợp với các nghị quyết của HĐQT.
The Chief Executive Officer and other Managers have performed well within their authority, in accordance with the BOD's resolutions.

(ii) Hệ thống báo cáo tài chính quý và công bố phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của pháp luật hiện hành. Công Ty không để xảy ra các gian lận và không có ghi nhận bất thường đối với giao dịch bên liên quan.
Quarterly, financial reporting was made and announced in accordance with Vietnam Accounting Standards and current laws. No fraudulent actions were allowed to happen and no unusual transactions with related persons were recorded.

4. **Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT:** Không có
Activities of the BOD' subcommittees: *None*

5. **Các Nghị Quyết/Quyết Định của HĐQT (Báo cáo năm)**
Resolutions/Decisions of the BOD (Annual report)

STT *No.*	Số Nghị Quyết/ Quyết Định *Resolution/Decision No.*	Ngày *Date*	Nội dung *Content*	Tỷ lệ thông qua *Approval rate*
1	01/2025/NQ-HĐQT	13/01/2025	Thông qua việc tiếp tục ủy quyền thực hiện công việc đã được Hội Đồng Quản Trị phê duyệt liên quan đến khoản vay tại Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank), chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị số 01/2023/BBHHDQT-VNG ngày 31/03/2023; Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị số 09/2023/BBH-HDQT-VNG ngày 22/11/2023; và Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị số 02/2024/BBH-HĐQT-VNG ngày 28/03/2024. *Approving on the continuation of the authorization by the BOD to execute the approved matters related to the facility granted by Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam (Vietcombank), Ho Chi Minh City Branch under the Minutes No.01/2023/BBHHDQT-VNG dated 31/03/2023, the Minutes No.09/2023/BBH-HDQT-VNG dated November 22, 2023 and the Minutes No.02/2024/BBH-HDQT-VNG dated March 28,2024.*	4/4
2	02/2025/NQ-HĐQT	05/03/2025	Thông qua việc triển khai kế hoạch/phương án phát hành cổ phiếu theo Chương trình ESOP 2024.	4/4

			Approving on the execution plan for share issuance under the ESOP for 2024.	
3	02-1/2025/NQ-HDQT	03/04/2025	Chấp thuận v/v sửa đổi, bổ sung một số nội dung liên quan đến việc triển khai phương án phát hành cổ phần theo Chương trình ESOP 2024. *Approving on the amendment, supplement in relation to the execution plan for share issuance under the 2024 ESOP.*	3/3 (Do Ông Vương Quang Khải có lợi ích liên quan nên không được tiến hành bỏ phiếu/ *As Mr. Vuong Quang Khai has conflict of interest, voting is prohibited*)
4	03/2025/NQ-HDQT	27/03/2025	Thông qua v/v tổng kết tình hình quý 4/2024 và năm 2024 *Approving on 4QFY24 and FY24 Review.*	4/4
5	04/2025/NQ-HDQT-VNG	05/05/2025	Chấp thuận v/v tổ chức cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường Niên 2025 *Approving on convening the 2025 Annual General Meeting of Shareholders.*	4/4
6	04/2025/BBH-HDQT	20/05/2025	Thảo luận (i) Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh Q1/2025; (ii) Bổ nhiệm Tổng Giám Đốc nhiệm kỳ 2025 - 2030; (iii) Chương trình ESOP; (iv) Chính sách ESOP; (v) Các cập nhật khác: Dự án VNG 3.0. *Discussion on (i) 1QFY25 business and operation; (ii) The appointment of Chief Exercutive Officer for office term of 2025-2030; (iii) The*	4/4

			new ESOP Scheme (iv) ESOP Policy; (v) Other corporate updates: VNG3.0 Project.	
7	05/2025/NQ-HĐQT	02/06/2025	Thông qua kết quả phát hành ESOP năm 2024. *Approving on the result of share issuance under the 2024 ESOP.*	3/3 (Do Ông Vương Quang Khải có lợi ích liên quan nên không được tiến hành bỏ phiếu/ *As Mr. Vuong Quang Khai has conflict of interest, voting is prohibited)*
8	06/2025/NQHĐQT-VNG	25/06/2025	Bầu Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị. *Appointment of the Chairman of the BOD.*	4/4
9	07/2025/NQ-HĐQT	15/07/2025	Phê duyệt khoản vay của Công Ty tại MSB *Approving on the Company's Loan Facility with MSB*	4/4
10	08/2025/NQHĐQT-VNGG	05/08/2025	Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập *Appointing independent auditing firm*	4/4
11	09/2025/NQ-HĐQT-VNGG	18/08/2025	Phê duyệt việc bán cổ phần trong Công ty Cổ phần Công nghệ EcoTruck *Approving share sale in EcoTruck Technology Joint Stock Company*	4/4
12	10/2025/NQ-HĐQT-VNGG	19/08/2025	Chuyển nhượng phần vốn góp trong Công ty TNHH Verichains	4/4

			Transfer of capital contribution in Verichains Company Limited	
13	11/2025/NQHDQT-VNGG	05/11/2025	Chấp thuận về việc tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông Bất Thường năm 2025 *Approving on organization of the 2025 Extraodinary General Shareholders Meeting*	4/4
14	12/2025/NQ-HĐQT-VNGG	27/11/2025	Bầu Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị *Election of Vice Chairman of the Board of Directors*	4/4
15	13/2025/NQHDQT-VNGG	18/12/2025	Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty và Thông qua quy chế ESOP *Appointment of Corporate Governance Officer and approval of ESOP Policy*	4/4
16	14/2025/NQHDQT-VNGG	26/12/2025	Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo Chương trình ESOP 2025 *Approving the implementation of share issuance plan under the 2025 ESOP*	4/4

III. Ban Kiểm Soát (Báo cáo năm)
The Board of Supervisors (Annual report)

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm Soát ("BKS")
Information about members of the Board of Supervisors ("BOS")

STT *No.*	**Thành viên BKS** *Members of the BOS*	**Chức vụ** *Position*	**Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS** *The date becoming/ceasing to be the member of the BOS*	**Trình độ chuyên môn** *Qualification*
1	Bà Nguyễn Vũ Ngọc Hân *Ms. Nguyen Vu Ngoc Han*	Trưởng BKS *Head of the BOS*	Bổ nhiệm/ *Appointed on:* 24/06/2024	Cử nhân Kế toán – Kiểm toán

			Hết nhiệm kỳ ngày/ *End of the office term*: 21/06/2025	*Bachelor of Accounting-Auditing*
2	Ông Phạm Văn Đô La *Mr. Pham Van Do La*	Thành viên BKS *Member of the BOS*	Bổ nhiệm/ *Appointed on* 21/06/2024 Miễn nhiệm/*Removed on*: 21/06/2025	Cử nhân Luật *Bachelor of Law*
3	Ông Vũ Thành Long *Mr. Vu Thanh Long*	Thành viên BKS *Member of the BOS*	Bổ nhiệm/*Appointed on* 21/06/2024 Tái bổ nhiệm nhiệm kỳ 2025-2030/*Re-appointed for office term 2025-2030: 21/06/2025*	Cử nhân Luật và Luật Sư *Bachelor of Law and Certified Lawyer*
4	Ông Hoàng Anh *Mr. Hoang Anh*	Trưởng BKS *Head of the BOS*	Bổ nhiệm/ *Appointed on* 21/06/2025	Cử nhân Tài Chính Ngân Hàng *Bachelor of Finance & Banking*
5	Ông Ngô Vi Hải Long *Mr. Ngo Vi Hai Long*	Thành Viên BKS *Member of the BOS*	Bổ nhiệm/ *Appointed on* 21/06/2025	Cử Nhân Luật và Luật Sư *Bachelor of Law and Certified Lawyer*

2. Cuộc họp của BKS
Meetings of the BOS

STT ***No.***	**Thành Viên BKS** ***Members of the BS***	**Số buổi họp tham dự** ***Number of meetings attended***	**Tỷ lệ tham dự họp** ***Attendance rate***	**Tỷ lệ biểu quyết** ***Voting rate***	**Lý do không tham dự họp** ***Reasons for absence***
1	Ông Vũ Thành Long *Mr. Vu Thanh Long*	2	100%	100%	
2	Ông Hoàng Anh *Mr. Hoang Anh*	2	100%	100%	

3	Ông Ngô Vi Hải Long *Mr. Ngo Vi Hai Long*	2	100%	100%	
4	Bà Nguyễn Vũ Ngọc Hân *Ms. Nguyen Vu Ngoc Han*	0	0	0	Hết nhiệm kỳ/ *End of the office term*
5	Ông Phạm Văn Đô La *Mr. Pham Van Do La*	0	0	0	Miễn nhiệm/ *Removal*

3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban TGĐ và cổ đông
Supervising the BOD, SMT and shareholders by the BOS

HĐQT đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định liên quan đến hoạt động kinh doanh, đầu tư, vấn đề tái cấu trúc và các vấn đề khác liên quan đến việc định hướng, điều hành hoạt động của Công Ty theo đúng quy định và Điều Lệ Công Ty và các quy định của pháp luật.
The BOD issued Resolutions and Decisions relating to business activities, investment, restructuring, and other matters related to the strategic direction and management of the Company in accordance with the Company's Charter and the laws.

Ban TGĐ đã triển khai, thực hiện tốt, đầy đủ và tận tụy các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, trong việc điều hành hoạt động kinh doanh của Công Ty. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban TGĐ luôn làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, đánh giá đầy đủ các thuận lợi, khó khăn, để giảm thiểu rủi ro của Công Ty.
The SMT has fully initiated and executed all related Resolutions and Decisions of the BOD with the highest care during the performance of the Company's business activities. In the process of performing its duties, the SMT always work with a high sense of responsibility, while simultaneously fully assessing the advantages and disadvantages, in order to minimize risks for the Company.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban TGĐ và các Nhà Quản Lý khác
Coordination among the BOS and the BOD, SMT and other Managers

Trong năm 2025, BKS đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban TGĐ trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao. BKS được Ban TGĐ và HĐQT tạo điều kiện thuận lợi, cung cấp đầy đủ các thông tin, báo cáo và dữ liệu có liên quan để BKS thực hiện nhiệm vụ. BKS được mời tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và các cuộc họp quan trọng khác của Công Ty.
In 2025, the BOS has tightly coordinated with BOD and SMT in performing assigned functions and tasks. The BOS was fully provided with related information, report and data by the SMT and BOD to complete its tasks. The BOS was invited to participate in all BOD's meetings and other important meetings of the Company.

Ngoài ra, BKS cũng phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban TGĐ trong công tác kiểm tra, giám sát các công ty thành viên cũng như bộ phận vận hành tại Công Ty, để có những biện pháp xử lý kịp thời những vấn đề tồn động, nâng cao chất lượng quản lý, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành. Trong năm 2025, BKS không nhận được ý kiến, kiến nghị gì từ phía các cơ quan quản lý, cũng như các cổ đông.

In addition, the BOS has coordinated with the SMT and BOD to inspect and supervise the Company's subsidiaries, as well as its departments in order to timely solve outstanding problems, improve managerial quality, and ensure compliance with current regulations. In 2025, the BOS did not receive any comments from the competent authorities and shareholders.

BKS cũng đã thông báo kết quả hoạt động của BKS và trình bày các đề xuất cần thiết cho Ban TGĐ và HĐQT.

The BOS has informed the results of the BOS activities and its recommendations to SMT and BOD.

5. Hoạt động khác của BKS: Không có
Other activities of the BOS: Not applicable

IV. Ban Tổng Giám Đốc
Senior Management Team

STT *No.*	Thành Viên Ban TGĐ *Members of the SMT*	Ngày tháng năm sinh *Date of birth*	Trình độ chuyên môn *Qualification*	Ngày bổ nhiệm Thành viên Ban TGĐ *Date of appointment of Members of the SMT*
1	Ông Wong Kelly Yin Hon *Mr. Wong Kelly Yin Hon*		Cử Nhân Thương Mại *Bachelor of Commerce*	20/05/2025
2	Ông Nguyễn Lê Thành *Mr. Nguyen Le Thanh*		Kỹ sư Khoa Học Máy Tính *Computer Science Engineer*	14/05/2021 Bổ nhiệm lại ngày 08/10/2025 *Re-appointed on 08 October 2025*
3	Ông Tan Wei Ming *Mr. Tan Wei Ming*		Thạc sĩ Quản Trị Kinh Doanh	22/02/2022

			Master of Business Admintration	
4	Bà Trương Thị Thanh *Ms. Truong Thi Thanh*		Cử nhân Luật *Bachelor of Law*	19/11/2025

V. Kế Toán Trưởng
Chief Accountant

Họ và tên *Name*	Ngày tháng năm sinh *Date of birth*	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ *Qualification*	Ngày bổ nhiệm *Date of appointment*
Ông Lê Trung Tín *Mr. Le Trung Tin*		Thạc Sĩ *Master*	25/04/2017

VI. Đào tạo về quản trị công ty
Training courses on corporate governance

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, TGĐ, các Nhà Quản Lý khác và Thư ký Công Ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty: Không có

Training courses on corporate governance involving Members of the BOD, Members of the BOS, the CEO, other Managers and Secretaries in accordance with regulations on corporate governance: None

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo năm) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty
List of related persons with the public company (annual report) and transactions of such related persons with the Company.

1. Danh sách về người có liên quan của Công ty: xem tại Phụ Lục 1.
List of related persons of the Company: refer to Appendix 1

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: Xem Phụ Lục 2.
Transactions between the Company and its related persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and related persons: refer to Appendix 2.

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không có.

Transactions between internal persons of the Company, related persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company controls: None

4. Giao dịch giữa Công Ty với các đối tượng khác
Transactions between the Company and other subjects

4.1. Giao dịch giữa Công Ty với công ty mà Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, TGĐ và Nhà Quản Lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc Thành viên HĐQT, TGĐ trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo): xem tại Phụ Lục 3.
Transactions between the Company and companies that its Members of the BOD, Members of the BOS, CEO and other Managers have been founding members or Members of the BOD, or CEO in three (03) latest years (calculated at the time of reporting): refer to Appendix 3.

4.2. Giao dịch giữa Công Ty với công ty mà người có liên quan của Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, TGĐ và các Nhà Quản Lý khác là Thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc/Giám Đốc điều hành: Không có
Transactions between the Company and the company that its related persons with Members of BOD, Members of BOS, CEO and other Managers as a Member of BOD, CEO/ Director: None.

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, TGĐ và Nhà Quản Lý khác: Không có.
Other transactions of the Company (if any) may bring material or non- material benefits for Members of the BOD, Members of the BOS, CEO and other Managers: None.

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo năm)
Share transactions of internal persons and their related persons (semi-annual report)

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ Công Ty
List of internal persons and their related persons
Xem thông tin tại: Phụ Lục 4/ *refer to Appendix 4.*

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Công Ty
Transactions of internal persons and related persons related to shares of the Company
Xem thông tin tại: Phụ Lục 5/ *refer to Appendix 5.*

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác: Không

Other significant issues: None

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI CHÍNH TOÀN VIỆT
VNG
0303490096

LÊ HỒNG MINH

PHỤ LỤC 1

Danh sách người có liên quan của Công Ty

APPENDIX 1

The list of related persons of the Company

STT *No.*	Tên tổ chức/ cá nhân *Name of organization/ individual*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại Công Ty (nếu có) *Position at the Company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.*, date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan *Time of starting to be related person*	Thời điểm không còn là người có liên quan *Time of ending to be related person*	Lý do *Reasons*	Mối quan hệ liên quan với Công Ty *Relationship with the Company*
1.	Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ - Dữ Liệu Công Nghệ Thông Tin Vi Na *Vi Na Data Information Technology - Service Joint Stock Company*	068C888999 tại công ty chứng khoán Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Vietcap *068C888999 in the securities company: Vietcap*	Không có *None*	Mã số doanh nghiệp: 0304851362, cấp ngày 26/02/2007 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh. *Registration No. 0304851362; date of issue: 26/02/2007; place of issue: Ho Chi Minh City*	Tòa nhà Golden King, số 15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. *Golden King Building, No. 15 Nguyen Luong Bang Street, Tan My Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam*				Công ty con *Subsidiary*

		Securities Joint Stock Company		*Department of Planning & Investment*					
2.	Công Ty Cổ Phần GreenNode *GreenNode Joint Stock Company*	Không có *None*	Không có *None*	Mã số doanh nghiệp: 0318135471, cấp ngày 30/10/2023 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh *Registration No. 0318135471; date of issue: 30/10/2023; place of issue: Ho Chi Minh City Department of Planning & Investment*	Tòa nhà Golden King, số 15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. *Golden King Building, No. 15 Nguyen Luong Bang Street, Tan My Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.*				Công ty con *Subsidiary*
3.	Công Ty Cổ Phần VNG Data Center *VNG Data Center Joint Stock Company*	Không có *None*	Không có *None*	Mã số doanh nghiệp: 0317176017, cấp ngày 03/3/2020 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh	Z06 Đường số 13, KCN trong KCX Tân Thuận, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. *Z06 Street No. 13, Industry Park in Tan Thuan EPZ, Tan Thuan*				Công ty con *Subsidiary*

				Registration No. 0317176017; date of issue: 03/3/2020; place of issue: Ho Chi Minh City Department of Planning & Investment	*Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.*				
4.	Công Ty Cổ Phần Công Nghệ EPI *EPI Technology JSC*	Không có *None*	Không có *None*	Mã số doanh nghiệp: 0101889875, cấp ngày 14/3/2006 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội *Registration No. 0101889875; date of issue: 14/3/2006; place of issue: Ha Noi Department of Planning & Investment*	Tầng 16, Tòa nhà ROX Tower, số 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng, TP. Hà Nội, Việt Nam. *16th Floor, ROX Tower, No. 54A Nguyen Chi Thanh, Lang Ward, Ha Noi City, Vietnam.*				Công ty con *Subsidiary*

5.	Công Ty TNHH VNG Online *VNG Online Company Limited*	Không có *None*	Không có *None*	Mã số doanh nghiệp: 0106180708, cấp ngày 16/5/2013 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội *Registration No. 0106180708; date of issue: 16/5/2013; place of issue: Ha Noi Department of Planning & Investment*	Tầng 16, Tòa nhà ROX Tower, số 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng, TP. Hà Nội, Việt Nam. *16th Floor, ROX Tower, No. 54A Nguyen Chi Thanh, Lang Ward, Ha Noi City, Vietnam.*				Công ty con *Subsidiary*
6.	Công Ty Cổ Phần Adtima *Adtima Joint Stock Company*	Không có *None*	Không có *None*	Mã số doanh nghiệp: 0316928193, cấp ngày 05/7/2021 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh *Registration No. 0316928193; date of issue: 05/7/2021; place of issue: Ho Chi Minh City*	412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. *412 Nguyen Thi Minh Khai Street, Ban Co Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.*				Công ty con *Subsidiary*

				Department of Planning & Investment					
7.	Công Ty Cổ Phần Fiza *Fiza Joint Stock Company*	Không có *None*	Không có *None*	Mã số doanh nghiệp: 0316928404, cấp ngày 05/7/2021 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh *Registration No. 0316928404; date of issue: 05/7/2021; place of issue: Ho Chi Minh City Department of Planning & Investment*	Khu thương mại dịch vụ tại tầng 2, Tháp B2, Khu chung cư phức hợp Lô M2 (Sarimi) – Số 72 đường Nguyễn Cơ Thạch, Phường An Lợi Đông, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. *Commercial and service area on the 2nd floor, Tower B2, Apartment Complex Lot M2 (Sarimi) - No. 72 Nguyen Co Thach Street, An Loi Dong Ward, City. Thu Duc City. Ho Chi Minh City, Vietnam.*				Công ty con *Subsidiary*

8.	Công Ty Cổ Phần Mixus *Mixus Joint Stock Company*	Không có *None*	Không có *None*	Mã số doanh nghiệp: 0317257452, cấp ngày 20/4/2022 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh *Registration No. 0317257452; date of issue: 20/4/2022; place of issue: Ho Chi Minh City Department of Planning & Investment*	Khu thương mại dịch vụ tại tầng 2, Tháp B2, Khu chung cư phức hợp Lô M2 (Sarimi) – Số 72 đường Nguyễn Cơ Thạch, Phường An Lợi Đông, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. *Commercial and service area on the 2nd floor, Tower B2, Apartment Complex Lot M2 (Sarimi) - No. 72 Nguyen Co Thach Street, An Loi Dong Ward, City. Thu Duc City. Ho Chi Minh City, Vietnam.*				Công ty con *Subsidiary*
9.	Công Ty Cổ Phần XFM *XFM Joint Stock Company*	Không có *None*	Không có *None*	Mã số doanh nghiệp: 0316262964, cấp ngày 08/5/2020 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh *Registration No. 0316262964; date*	Khu thương mại dịch vụ tại Tầng 2 (hai), Tháp B2, Khu chung cư phức hợp Lô M2 (Sarimi) - Số 72 đường Nguyễn Cơ Thạch, phường An Khánh, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.				Công ty con *Subsidiary*

				of issue: 08/5/2020; place of issue: Ho Chi Minh City Department of Planning & Investment	*Commercial and service area at Floor 2 (second), Tower B2, Apartment Complex Lot M2 (Sarimi) - No. 72 Nguyen Co Thach Street, An Khanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.*				
10.	Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Mạng Vi Na *Vi Na Net Services Joint Stock Company*	Không có *None*	Không có *None*	Mã số doanh nghiệp: 0305418909, cấp ngày 29/12/2007 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh *Registration No. 0305418909; date of issue: 29/12/2007; place of issue: Ho Chi Minh City Department of Planning & Investment*	Z06 Đường số 13, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. *Z06 Street No. 13, Tan Thuan Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.*				Công ty con *Subsidiary*
11.	Công Ty TNHH Phát Triển Phần Mềm VNG	Không có *None*	Không có *None*	Mã số doanh nghiệp: 0310964981, cấp	Tầng 2, Tòa nhà Saigon Paragon, số 3 Nguyễn Lương Bằng,				Công ty con *Subsidiary*

	VNG Software Development Company Limited			ngày 05/7/2011 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh *Registration No. 0310964981; date of issue: 05/7/2011; place of issue: Ho Chi Minh City Department of Planning & Investment*	Phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. *Floor 2, Saigon Paragon Building, No. 3 Nguyen Luong Bang Street, Tan My Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.*				
12.	Công Ty TNHH Zie *Zie Company Limited*	Không có *None*	Không có *None*	Mã số doanh nghiệp: 0105976790, cấp ngày 23/8/2012 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội *Registration No. 0105976790; date of issue: 23/8/2012; place of issue: Ha Noi Department of Planning & Investment*	Tầng 17, Tòa nhà ROX Tower, số 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng, TP. Hà Nội, Việt Nam. *17th Floor, ROX Tower, No. 54A Nguyen Chi Thanh, Lang Ward, Ha Noi City, Vietnam*				Công ty con *Subsidiary*

13.	Công Ty TNHH ZingPlay Việt Nam *ZingPlay Vietnam Company Limited*	Không có *None*	Không có *None*	Mã số doanh nghiệp: 0401510382, cấp ngày 23/8/2012 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Đà Nẵng *Registration No. 0401510382; date of issue: 23/8/2012; place of issue: Da Nang Department of Planning & Investment*	Tòa nhà Golden King, số 15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. *Golden King Building, No. 15 Nguyen Luong Bang Street, Tan My Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.*				Công ty con *Subsidiary*
14.	Công Ty TNHH Truyền Thông Minh Phương Thịnh *Minh Phuong Thinh Communication Company Limited*	Không có *None*	Không có *None*	Mã số doanh nghiệp: 0401383222, cấp ngày 11/10/2010 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Đà Nẵng *Registration No. 0401383222; date of issue: 11/10/2010; place of issue: Da Nang*	229 Huỳnh Ngọc Huệ, P. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng, Việt Nam. *229 Huynh Ngoc Hue, Thanh Khe Ward, Da Nang City, Vietnam.*				Công ty con *Subsidiary*

				Department of Planning & Investment					
15.	Công Ty TNHH A4B *A4B Company Limited*	Không có *None*	Không có *None*	Mã số doanh nghiệp: 0317152763, cấp ngày 16/02/2022 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh *Registration No. 0317152763; date of issue: 16/02/2022; place of issue: Ho Chi Minh City Department of Planning & Investment*	Tầng 2, Tòa nhà Saigon Paragon, số 3 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. *Floor 2, Saigon Paragon Building, No. 3 Nguyen Luong Bang Street, Tan My Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.*				Công ty con *Subsidiary*
16.	Công Ty Cổ Phần Zion *Zion Joint Stock Company*	Không có *None*	Không có *None*	Mã số doanh nghiệp: 0101659783, cấp ngày 22/4/2005 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội *Registration No. 0101659783; date of issue: 22/4/2005;*	Z06 Đường số 13, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. *Z06 Street No. 13, Tan Thuan Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.*				Công ty con *Subsidiary*

				place of issue: Ha Noi Department of Planning & Investment					
17.	Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Truyền Thông Thanh Sơn *Thanh Son Communication Services Trading Company Limited*	Không có *None*	Không có *None*	Mã số doanh nghiệp: 0105370181, cấp ngày 20/6/2011 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội *Registration No. 0105370181; date of issue: 20/6/2011; place of issue: Ha Noi Department of Planning & Investment*	Tầng 17, Tòa nhà ROX Tower, số 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng, TP. Hà Nội, Việt Nam. *17th Floor, ROX Tower, No. 54A Nguyen Chi Thanh, Lang Ward, Ha Noi City, Vietnam.*				Công ty con *Subsidiary*
18.	Quỹ Kiến Tạo Ước Mơ *Dream Maker Foundation*	Không có *None*	Không có *None*	Quyết định thành lập số 502/QD-BNV ngày 12/5/2010 của Bộ Nội Vụ *Establishment Decision No. 502/QD-BNV dated 12/5/2010 of the*	Z06 Đường số 13, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. *Z06 Street No. 13, Tan Thuan Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.*				Công ty con *Subsidiary*

				Ministry of Home Affairs					
19.	VNG Singapore PTE.LTD	Không có *None*	Không có *None*	Giấy chứng nhận thành lập số 201209679M; cấp ngày 18/4/2012 bởi ACRA *Registration No. 201209679M; date of issue: 18/4/2012; place of issue: ACRA*	9 Raffles Place #08-03, Republic Plaza, Singapore (048619)				Công ty con *Subsidiary*
20.	ZingPlay International PTE.LTD	Không có *None*	Không có *None*	Giấy chứng nhận thành lập số 201823533C; cấp ngày 11/7/2018 bởi ACRA *Registration No. 201823533C; date of issue: 11/7/2018; place of issue: ACRA*	9 Raffles Place #08-03, Republic Plaza, Singapore (048619)				Công ty con *Subsidiary*

21.	VNG Investment PTE. LTD	Không có *None*	Không có *None*	Giấy chứng nhận thành lập số 202207313Z; cấp ngày 02/3/2022 bởi ACRA *Registration No. 202207313Z; date of issue: 02/3/2022; place of issue: ACRA*	9 Raffles Place #08-03, Republic Plaza, Singapore (048619)				Công ty con *Subsidiary*
22.	GreenNode PTE. LTD.	Không có *None*	Không có *None*	Giấy chứng nhận thành lập số 202342500W; cấp ngày 25/10/2023 bởi ACRA *Registration No. 202342500W; date of issue: 25/10/2023; place of issue: ACRA*	9 Raffles Place #08-03, Republic Plaza, Singapore (048619)				Công ty con *Subsidiary*
23.	InstantiaPay Holdings PTE. LTD	Không có *None*	Không có *None*	Giấy chứng nhận thành lập số 202231968C; cấp ngày 09/09/2022 bởi ACRA *Registration No. 202231968C; date of issue:*	9 Raffles Place #08-03, Republic Plaza, Singapore (048619)				Công ty con *Subsidiary*

				09/09/2022; place of issue: ACRA					
24.	InstantiaPay SG PTE. LTD.	Không có *None*	Không có *None*	Giấy chứng nhận thành lập số 202233908W; cấp ngày 23/09/2022 bởi ACRA *Registration No. 202233908W; date of issue: 23/09/2022; place of issue: ACRA*	9 Raffles Place #08-03, Republic Plaza, Singapore (048619)				Công ty con *Subsidiary*
25.	InstantiaPay Limited	Không có *None*	Không có *None*	Giấy chứng nhận thành lập số 3203920; cấp ngày 01/11/2022 bởi Companies Registry *Registration No. 3203920, date of issue: 01/11/2022; place of issue: Companies Registry*	Unit 304-7, 3/F, Laford Centre, 838 Lai Chi Kok Road, Cheung Sha Wan, Kowloon, Hong Kong				
26.	VNG Games CO., LTD	Không có *None*	Không có *None*	Giấy chứng nhận thành lập số 0105563158470; cấp ngày 26/10/2020 bởi	591 UBC 2 Tower, 17 Floor, Room no. 1704, Sukhumvit Road, Klongton Nue,				Công ty con *Subsidiary*

				Department of Business Development *Registration No. 0105563158470, date of issue: 26/10/2020; place of issue: Department of Business Development*	Wattana, Bangkok, Thái Lan				
27.	GreenNode CO., LTD	Không có *None*	Không có *None*	Giấy chứng nhận thành lập số 0105566234975; cấp ngày 19/12/2023 bởi Department of Business Development *Registration No. 0105566234975, date of issue: 19/12/2023; place of issue: Department of Business Development*	No. 1055/655 State Tower, 31 Floor, Silom Road, Silom Sub-district, Bangrak District, Bangkok				Công ty con *Subsidiary*

28.	VNG Myanmar Company Limited	Không có *None*	Không có *None*	Giấy chứng nhận thành lập số 101453960; cấp ngày 08/03/2018 bởi DICA *Registration No. 101453960, date of issue: 08/03/2018; place of issue: DICA*	37 Alan Pya Pagoda Road, La Pyi Wun Plaza,4th Floor, Room 409, Dagon Township, Yangon Region, Myanmar				Công ty con *Subsidiary*
29.	KMZ Interactive Entertainment (Shenzhen) CO., LTD	Không có *None*	Không có *None*	Giấy chứng nhận thành lập số 91440300MA5HC0HF82; cấp ngày 30/5/2022 bởi Shenzhen AMR *Registration No. 91440300MA5HC0HF82; date of issue: 30/5/2022; place of issue: Shenzhen AMR*	1484-2, Unit 14A, 14/F Times Financial Centre, No.4001 Shennan Avenue, Futian District, Shenzhen, China				Công ty con *Subsidiary*
30.	InstantiaPay PTY. LTD	Không có *None*	Không có *None*	Giấy chứng nhận thành lập số 662372394; cấp ngày 12/09/2022 bởi ASIC	Suite 3.45, Level 3, 60 Martin Place, Sydney NSW 2000				Công ty con *Subsidiary*

				Registration No. 662372394; date of issue: 12/09/2022; place of issue: ASIC					
31.	InstantiaPay Limited	Không có *None*	Không có *None*	Giấy chứng nhận thành lập số 14373753; cấp ngày 23/09/2022 bởi *Company House Registration No. 14373753; date of issue: 23/09/2022; place of issue: Company House*	Third Floor, 20 Old Bailey, London, EC4M 7AN, United Kingdom				Công ty con *Subsidiary*
32.	Công Ty TNHH 2MoreBits *2MoreBits Company Limited*	Không có *None*	Không có *None*	Mã số doanh nghiệp: 0110944297, cấp ngày 20/2/2025 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội *NSH No. 0110944297; date of issue: 20/2/2025; place of issue: Ha Noi Department of Planning & Investment*	Số 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng, TP. Hà Nội, Việt Nam. *54A Nguyen Chi Thanh Street, Lang Ward, Ha Noi City, Vietnam.*				Công ty con *Subsidiary*

33.	Công Ty TNHH Zalo Platforms *Zalo Platforms Company Limited*	Không có *None*	Không có *None*	Mã số doanh nghiệp: 0318836678, cấp ngày 17/02/2025 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh *NSH No. 0318836678; date of issue: 17/02/2025; place of issue: Ho Chi Minh City Department of Planning & Investment*	Tầng 2, Tòa nhà Saigon Paragon, số 3 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. *2nd Floor, Saigon Paragon building, No.3 Nguyen Luong Bang, Tan My Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.*				Công ty con *Subsidiary*
34.	Instantia Capital PTE.LTD	Không có *None*	Không có *None*	Số UEN 202521517C cấp ngày 19/05/2025 bởi ACRA. *UEN No. 202521517C issued by ACRA on 19/05/2025*	9 Raffles Place, #08-03, Republic Plaza, Singapore 048619				Công ty con *Subsidiary*

35.	Công Ty TNHH VNGGames *VNGGames Co., Ltd*	Không có *None*	Không có *None*	Mã số doanh nghiệp: 0319088834, cấp ngày 11/08/2025 bởi Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh. *NSH No. 0319088834, date of issue: 11/08/2025, place of issue: Ho Chi Minh City Department of Finance.*	Tầng 2, Tòa nhà Saigon Paragon, số 3 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. *2nd Floor, Saigon Paragon building, No.3 Nguyen Luong Bang, Tan My Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.*				Công ty con *Subsidiary*
36.	Công Ty TNHH Zing *Zing Co., Ltd.*	Không có *None*	Không có *None*	Mã số doanh nghiệp: 0319252925, cấp ngày 06/11/2025 bởi Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh. *NSH No. 0319252925, date of issue: 06/11/2025, place of issue: Ho Chi Minh City Department of Finance.*	Tầng 4, UOA Tower, số 6 Tân Trào, Phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. *4th Floor, UOA Tower, No. 6 Tan Trao, Tan My Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.*				Công ty con *Subsidiary*

37.	VNGGames PTE. LTD	Không có *None*	Không có *None*	Giấy chứng nhận thành lập số 202529066M; cấp ngày 04/7/2025 bởi ACRA *Registration No. 202529066M; date of issue: 04/7/2025; place of issue: ACRA*	9 Raffles Place #08-03, Republic Plaza, Singapore (048619)				Công ty con/ *Subsidiaries*
38.	Công Ty TNHH Instantiapay VN *Instantiapay VN Limited Liability Company*	Không có *None*	Không có *None*	Mã số doanh nghiệp: 0317861939, cấp ngày 31/05/2023 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh. *NSH No. 0319252925, date of issue: 06/11/2025, place of issue: Ho Chi Minh City Department of Planning and Investment*	Z06 Đường số 13, phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. *Z06 Street No. 13, Tan Thuan Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam*				Công ty con/ *Subsidiaries*

39.	VNG Limited	068FCD3740 tại công ty chứng khoán Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Vietcap *068FCD3740 in the securities company: Vietcap Securities Joint Stock Company*	Không có *None*	Số đăng ký 388836, cấp ngày 01/04/2022 tại Cayman Islands. *Registration No. 388836; date of issue: 01/04/2022; place of issue: Cayman Islands*	190 Elgin Avenue, George Town, Grand Cayman KY1-9008, Cayman Islands				Tổ chức sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết *Organization owning more than 10% of voting shares*
40.	Công Ty Cổ Phần Công Nghệ BigV *BigV Technology Corporation*	068C888666 tại công ty chứng khoán Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Vietcap *068C888666 in the securities company: Vietcap*	Không có *None*	Mã số doanh nghiệp: 0316949845, cấp ngày 06/08/2021 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh *NSH No. 0316949845; date of issue: 06/08/2021; place*	Tòa nhà Golden King, số 15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. *Golden King Building, No. 15 Nguyen Luong Bang Street, Tan My Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.*				Tổ chức sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết *Organization owning more than 10% of voting shares*

		Securities Joint Stock Company		*of issue: Ho Chi Minh City Department of Planning & Investment*					
41.	Bà Nguyễn Thị Thu Trang *Ms. Nguyen Thi Thu Trang*	Không có *None*	Không có *None*	[redacted]		19/06/2020	21/06/2025	Hết nhiệm kỳ *End of the office term*	Trưởng BKS *Head of the BOS*
42.	Ông Phạm Văn Đô La *Mr. Pham Van Do La*	Không có *None*	Không có *None*	[redacted]		21/06/2024	21/06/2025	Lý do cá nhân/ *Personal Reasons*	Thành Viên BKS *Member of the BOS*

				[redacted]					
43.	Ông Vũ Thành Long *Mr. Vu Thanh Long*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Thành Viên BKS *Member of the BOS*	[redacted]		21/06/2025			Thành Viên BKS *Member of the BOS*

44.	Ông Hoàng Anh *Mr. Hoang Anh*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Trưởng BKS *Head of the BOS*	[redacted]	21/06/2025			Trưởng BKS *Head of the BOS*
45.	Ông Ngô Vi Hải Long *Mr. Ngo Vi Hai Long*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Thành Viên BKS *Member of the BOS*		21/06/2025			Thành Viên BKS *Member of the BOS*

				[redacted]				
46.	Ông Lê Hồng Minh *Mr. Le Hong Minh*	068C806666 tại công ty chứng khoán Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Vietcap *068C806666 in the securities company: Vietcap Securities Joint Stock Company*	Chủ tịch HĐQT *Chairman of the BOD*					Chủ tịch HĐQT *Chairman of the BOD*
47.	Ông Vương Quang Khải *Mr. Vuong Quang Khai*	068C866666 tại Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Vietcap *068C866666 at Vietcap*	Đồng sáng lập, Phó Chủ tịch HĐQT *Co-founder, Vice Chairman*					Đồng sáng lập, Phó Chủ tịch HĐQT *Co-founder, Vice Chairman*

		Securities Joint Stock Company	*of the Board of Directors*	[redacted]				*of the Board of Directors*
48.	Bà Christina Gaw *Ms. Christina Gaw*	Không có *None*	Thành Viên HĐQT Độc Lập *Independent BOD Member*	[redacted]	09/12/2022			Thành Viên HĐQT Độc Lập *Independent BOD Member*
49.	Ông Edphawin Jetjirawat *Mr. Edphawin Jetjirawat*	Không có *None*	Thành Viên HĐQT Độc Lập *Independent BOD Member*	[redacted]	09/12/2022			Thành Viên HĐQT Độc Lập *Independent BOD Member*
50.	Ông Nguyễn Lê Thành *Mr. Nguyen Le Thanh*	003C388636 tại Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI *003C388636 at SSI*	Phó Tổng Giám đốc VNG Group *Vice President of VNG Group*	[redacted]	14/05/2021			Phó Tổng Giám đốc VNG Group *Vice President of VNG Group*

		Securities Joint Stock Company		[redacted]				
51.	Ông Wong Kelly Yin Hon *Mr. Wong Kelly Yin Hon*	Không có *None*	Tổng Giám Đốc *CEO*	[redacted]	20/05/2025			Tổng giám đốc *CEO*
52.	Ông Tan Wei Ming *Mr. Tan Wei Ming*	Không có *None*	Phó Tổng Giám Đốc Tài Chính kiêm Người Ủy Quyền CBTT *Chief Finance Officer/ Authorized Person to Disclose Information*	[redacted]	22/02/2022			Phó Tổng Giám Đốc Tài Chính kiêm Người Ủy Quyền CBTT *Chief Finance Officer/ Authorized Person to Disclose Information*

53.	Ông Lê Trung Tín *Mr Le Trung Tin*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Kế Toán Trưởng *Chief Acccountant*	[redacted]		25/4/2017			Kế Toán Trưởng *Chief Acccountant*
54.	Ông Ahuja Varun *Mr. Ahuja Varun*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Giám Đốc Quan hệ Nhà đầu tư và Chiến lược Doanh nghiệp kiêm Người phụ trách Quản trị Công ty *Head of Investor Relations and Corporate*			18/12/2025			Giám Đốc Quan hệ Nhà đầu tư và Chiến lược Doanh nghiệp kiêm Người phụ trách Quản trị Công ty *Head of Investor Relations and Corporate*

			Strategy cum Corporate Governance Officer						*Strategy cum Corporate Governance Officer*
55.	Bà Trương Thị Thanh *Ms. Truong Thi Thanh*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Phó Tổng Giám Đốc *Vice President*	[redacted]		19/11/2025			Phó Tổng Giám Đốc VNG *Vice President of VNG*

*Danh sách người có liên quan của công ty là Vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Người Nội Bộ được quy định tại Phụ Lục 03.

List of related persons of the Company who is spouse, parents, children, siblings, sister-in-law, brother-in-law of the Internal Persons are set out in the Appendix 3.

Ghi chú: số Giấy NSH*: số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức).

Note: NSH No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on Operations or equivalent legal documents (As for organizations).

PHỤ LỤC 2

APPENDIX 2

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

Transactions between the company and related persons of the company; or between the company and shareholders, internal persons, or related persons of internal persons

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/ individual*	Mối quan hệ liên quan với công ty *Relationship with the Company*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.* date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm giao dịch với công ty *Time of transactions with the Company*	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) *Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)*	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ *Content, quantity, total value of transaction*		Ghi chú *Note*
							Nội dung/*Content*	Giá trị/*Value* (VND)	
1.	Công Ty Cổ Phần Zion *Zion JSC*	Công ty con *Subsidiary*	Mã số doanh nghiệp: 0101659783, cấp ngày 22/4/2005 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội *Registration No. 0101659783; date of issue: 22/4/2005;*	Z06 Đường số 13, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. *Z06 Street No. 13, Tan Thuan Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.*	2025	Nghị Quyết HĐQT số 07/2024/NQ-HĐQT về việc ủy quyền cho người đại diện pháp luật ký kết các hợp đồng giao dịch với người có liên quan, ngày 15/11/2024 *BOD Resolution*	Phải thu cung cấp dịch vụ *Account receivable from service provision*	61.678.264.000	
							Phải thu khác (thu chi hộ) *Other receivables (on-behalf collections and payments).*	10.485.868.649	
							Đầu tư vào công ty con	410.000.000.000	

			place of issue: Ha Noi Department of Planning & Investment			*No. 07/2024/NQ-HĐQT on authorizing the legal representative to execute transactions with related parties, dated 15 November 2024*	*Investments into subsidiaries*		
							Phải trả phí kênh thanh toán *Account payable - payment channel fees*	36.785.750	
							Doanh thu cho thuê văn phòng *Office-space rental revenue*	22.800.000.000	
							Chi phí khác *Other expenses*	2.035.067	
							Chi phí hỗ trợ thanh toán qua Zalopay App *Fees for the assistance of payment via Zalopay app*	31.637.231.205	
							Chi phí hỗ trợ thanh toán qua Zalopay Gateway-Thẻ nội địa *Fees for the assistance of payment via Zalopay Gateway-Domestic cards*	16.310.324.420	
							Công tác phí và chi phí khác để tổ chức sự kiện theo MKT plan *Travel expenses and other costs for organizing events*	454.545	

							in accordance with the MKT plan		
							Chi phí giải thưởng khuyến mãi bằng tiền *Cash promotional price expenses*	34.060.880	
2.	Quỹ Kiến Tạo Ước Mơ/*Dream Maker Foundation*	Công ty con/ *Subsidiary*	Quyết định thành lập số 502/QD-BNV ngày 12/5/2010 của Bộ Nội Vụ *Establishment Decision No. 502/QD-BNV dated 12/5/2010 of the Ministry of Home Affairs*	Z06 Đường số 13, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. *Z06 Street No. 13, Tan Thuan Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.*	2025	Nghị Quyết HĐQT số 07/2024/NQ-HĐQT về việc ủy quyền cho người đại diện pháp luật ký kết các hợp đồng giao dịch với người có liên quan, ngày 15/11/2024 *BOD Resolution No. 07/2024/NQ-HĐQT on authorizing the legal representative to execute transactions with related parties, dated 15 November 2024*	Chi phí từ thiện, tài trợ *Charity, sponsorship expenses*	11.274.665.552	

3.	Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Dữ Liệu CNTT Vi Na/ *VINADATA JSC*	Công ty con/ *Subsidiary*	Mã số doanh nghiệp: 0304851362, cấp ngày 26/02/2007 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh *NSH No. 0304851362; date of issue: 26/02/2007; place of issue: HCMC Department of Planning & Investment*	Tòa nhà Golden King, số 15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh. *Golden King Building, No. 15 Nguyen Luong Bang Street, Tan My Ward, Ho Chi Minh City.*	2025	Nghị Quyết HĐQT số 07/2024/NQ-HĐQT về việc ủy quyền cho người đại diện pháp luật ký kết các hợp đồng giao dịch với người có liên quan, ngày 15/11/2024 *BOD Resolution No. 07/2024/NQ-HĐQT on authorizing the legal representative to execute transactions with related parties, dated 15 November 2024*	Phải thu từ cung cấp dịch vụ *Account receivable from service provision*	676.260.997	
							Phải thu khác (thu chi hộ) *Other receivables (on-behalf collections and payments).*	56.040.961	
							Phải trả cho người bán *Account payable to suppliers*	136.770.685.006	
							Doanh thu DV Business Accounts *Revenue from Business Account services*	372.310.909	
							Doanh thu cho thuê văn phòng *Office-space rental revenue*	6.199.210.872	
							Doanh thu từ dịch vụ và tư vấn Kỹ thuật/Công nghệ *Revenue from the provision of services and consultancy relating to technical matters/technology*	1.200.000.000	
							Chi phí thuê server *Server rental expenses*	346.358.000.000	

							Chi phí telehosting Vinadata *Vinadata telehosting expenses*	12.573.291.404	
							Chi phí Public Cloud service *Public Cloud service expenses*	40.834.760.158	
							Chi phí phần mềm, hệ thống kỹ thuật hỗ trợ sản phẩm *Expenses relating to software and product support technical systems*	300.000.000	
							Chí phí thuê dịch vụ Camera *Camera rental service expenses*	815.690.400	
							Thu về nhượng bán, thanh lý TSCĐ *Revenue from the sale and disposal of fixed assets*	340.000.000	
							Chi phí cho hoạt động từ thiện, tài trợ *Charity, sponsorship expenses*	604.561.286	
4.	Công Ty TNHH Truyền Thông Minh Phương Thịnh *Minh Phuong Thinh*	Công ty con/ *Subsidiary*	Mã số doanh nghiệp: 0401383222, cấp ngày 11/10/2010 bởi Sở Kế	229 Huỳnh Ngọc Huệ, P. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng. *229 Huynh*	2025	Nghị Quyết HĐQT số 07/2024/NQ-HĐQT về việc ủy quyền cho người đại diện	Phải thu khác (thu chi hộ) *Other receivables (on-behalf collections and payments).*	4.236.514.793	

	Communication Company Limited		hoạch và Đầu tư TP. Đà Nẵng *NSH No. 0401383222; date of issue: 11/10/2010; place of issue: Da Nang Department of Planning & Investment*	*Ngoc Hue, Thanh Khe Ward, Da Nang City.*		pháp luật ký kết các hợp đồng giao dịch với người có liên quan, ngày 15/11/2024 *BOD Resolution No. 07/2024/NQ-HĐQT on authorizing the legal representative to execute transactions with related parties, dated 15 November 2024*	Phải trả cho người bán *Account payable to suppliers.*	299.715.033.910	
							Doanh thu chia sẻ theo hợp đồng tích hợp trò chơi trực tuyến *Shared revenue in accordance with online game intergration contract*	(640.083.241.772)	Doanh thu chia sẻ, VNG ghi giảm doanh thu phần trả lại cho cty con *Shared revenue, with VNG recording a reduction in revenue for the portion returned to the subsidiary*
							Chi phí đăng ký nhãn hiệu hàng hóa và đăng ký tên miền *Trademark registration and domain registration fees expenses*	100.000	
5.	Công Ty TNHH Phát Triển Phần Mềm VNG *VNG Software Development Company Limited*	Công ty con/ *Subsidiary*	Mã số doanh nghiệp: 0310964981, cấp ngày 05/7/2011 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh *NSH No. 0310964981; date of issue:*	Tầng 2, Tòa nhà Saigon Paragon, số 3 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh *Floor 2, Saigon Paragon*	2025	Nghị Quyết HĐQT số 07/2024/NQ-HĐQT về việc ủy quyền cho người đại diện pháp luật ký kết các hợp đồng giao dịch với người có liên quan, ngày	Phải thu khác (thu chi hộ, thuê VP) *Other receivables (on-behalf collections and payments; office rental revenue).*	3.835.000	
							Doanh thu cho thuê văn phòng *Office-space rental revenue*	2.572.800.000	

			05/7/2011; place of issue: HCMC Department of Planning & Investment	*Building, No. 3 Nguyen Luong Bang Street, Tan My Ward, Ho Chi Minh City.*		15/11/2024 *BOD Resolution No. 07/2024/NQ-HĐQT on authorizing the legal representative to execute transactions with related parties, dated 15 November 2024*	Chi phí tư vấn-dịch vụ mua ngoài khác *Consultant expenses - other services*	290.000.000	
6.	Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Truyền Thông Thanh Sơn *Thanh Son Communication Services Trading Company Limited*	Công ty con/ *Subsidiary*	Mã số doanh nghiệp: 0105370181, cấp ngày 20/6/2011 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội *Registration No. 0105370181; date of issue: 20/6/2011; place of issue: Ha Noi Department of Planning & Investment*	Tầng 17, Tòa nhà ROX Tower, số 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng, TP. Hà Nội. *17th Floor, ROX Tower, No. 54A Nguyen Chi Thanh, Lang Ward, Ha Noi City.*	2025	Nghị Quyết HĐQT số 07/2024/NQ-HĐQT về việc ủy quyền cho người đại diện pháp luật ký kết các hợp đồng giao dịch với người có liên quan, ngày 15/11/2024 *BOD Resolution No. 07/2024/NQ-HĐQT on authorizing the legal representative to execute transactions with related parties, dated 15 November 2024*	Phải thu từ cung cấp dịch vụ *Account receivable from service provision*	40.720.050.000	
							Phải thu khác (thu chi hộ) *Other receivables (on-behalf collections and payments)*	158.600.000	
							Trả trước cung cấp dịch vụ *Pre-paid from service provision*	161.492.200	
							Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn *Long-term deposits and security deposits received*	252.720.000	
							Doanh thu từ bán thẻ Zing eCode *Zing eCode sales revenue*	1.253.951.125.000	

							Coin 1- Giảm doanh thu từ chương trình khách hàng thân thiết- Thẻ Zing *Coin 1 – Reduction of revenue from the customer loyalty program – Zing Card*	5.146.672	
							Chi phí văn phòng *Office-related expenses*	1.730.181.816	
							Phải thu khác (thu chi hộ) *Other receivables (on-behalf collections and payments).*	246.120	Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh *Ho Chi Minh City Branch*
							Phải trả từ mua dịch vụ *Payables from service procurement*	130.761.600	Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh *Ho Chi Minh City Branch*
							Chi phí test sản phẩm *Product testing expenses*	192.044.447	Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh *Ho Chi Minh City Branch*
							Chi phí khác *Other expenses*	6.666.667	Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh *Ho Chi Minh City Branch*
							Giải thưởng khuyến mãi bằng Zingxu *Promotional expenses incurred via Zingxu*	288.959.997	Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh *Ho Chi Minh City Branch*

							Chi phí giải thưởng khuyến mãi bằng hiện vật *Promotional prize (in kind) expenses*	16.711.110	Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh *Ho Chi Minh City Branch*
							Chi phí nghiên cứu thị trường thuộc hoạt động MKT *Market research expenses relating to MKT activities*	4.404.545	Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh *Ho Chi Minh City Branch*
7.	VNG Singapore Pte. Ltd	Công ty con/ *Subsidiary*	Giấy chứng nhận thành lập số 201209679M; cấp ngày 18/4/2012 bởi ACRA *Registration No. 201209679M; date of issue: 18/4/2012; place of issue: ACRA*	9 Raffles Place #08-03, Republic Plaza, Singapore (048619)	2025	Nghị Quyết HĐQT số 07/2024/NQ-HĐQT về việc ủy quyền cho người đại diện pháp luật ký kết các hợp đồng giao dịch với người có liên quan, ngày 15/11/2024 *BOD Resolution No. 07/2024/NQ-HĐQT on authorizing the legal representative to execute transactions with related parties, dated 15 November 2024*	Phải thu khác (thu chi hộ) *Other receivables (on-behalf collections and payments).*	823.607.986	
							Phải trả người bán *Account payable to suppliers.*	21.221.286.956	

8.	Công Ty Cổ Phần Công Nghệ EPI *EPI Technology Joint Stock Company*	Công ty con/ *Subsidiary*	Mã số doanh nghiệp: 0101889875, cấp ngày 14/3/2006 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội *Registration No. 0101889875; date of issue: 14/3/2006; place of issue: Ha Noi Department of Planning & Investment*	Tầng 16, Tòa nhà ROX Tower, số 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng, TP. Hà Nội. *16th Floor, ROX Tower, No. 54A Nguyen Chi Thanh, Lang Ward, Ha Noi City.*	2025	Nghị Quyết HĐQT số 07/2024/NQ-HĐQT về việc ủy quyền cho người đại diện pháp luật ký kết các hợp đồng giao dịch với người có liên quan, ngày 15/11/2024 *BOD Resolution No. 07/2024/NQ-HĐQT on authorizing the legal representative to execute transactions with related parties, dated 15 November 2024*	Phải thu khác (thu chi hộ) *Other receivables (on-behalf collections and payments).*	1.809.920.166	
9.	Công Ty TNHH Zie *Zie Company Limited*	Công ty con/ *Subsidiary*	Mã số doanh nghiệp: 0105976790, cấp ngày 23/8/2012 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội *Registration No.*	Tầng 17, Tòa nhà ROX Tower, số 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng, TP. Hà Nội. *17th Floor, ROX Tower,*	2025	Nghị Quyết HĐQT số 07/2024/NQ-HĐQT về việc ủy quyền cho người đại diện pháp luật ký kết các hợp đồng giao dịch với người có liên	Phải thu khác (thu chi hộ, thuê VP) *Other receivables (on-behalf collections and payments; office rental revenue).*	115.544.500	
							Phải trả người bán *Account payable to suppliers*	792.884.120	

			0105976790; date of issue: 23/8/2012; place of issue: Ha Noi Department of Planning & Investment	*No. 54A Nguyen Chi Thanh, Lang Ward, Ha Noi City.*		quan, ngày 15/11/2024 *BOD Resolution No. 07/2024/NQ-HĐQT on authorizing the legal representative to execute transactions with related parties, dated 15 November 2024*	Doanh thu từ chuyển nhượng quyền tác giả phần mềm *Revenue from transfer of software copyright*	301.000.000	
							Doanh thu chia sẻ theo hợp đồng tích hợp trò chơi trực tuyến *Shared revenue in accordance with online game intergration contract*	(9.879.097.755)	Doanh thu chia sẻ, VNG ghi giảm doanh thu phần trả lại cho cty con *Shared revenue, with VNG recording a reduction in revenue for the portion returned to the subsidiary*
10.	Công Ty TNHH ZingPlay Việt Nam *ZingPlay Vietnam Company Limited*	Công ty con/ *Subsidiary*	Mã số doanh nghiệp: 0401510382, cấp ngày 23/8/2012 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Đà Nẵng *Registration No. 0401510382; date of issue: 23/8/2012; place of issue: Da Nang*	Tòa nhà Golden King, số 15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh. *Golden King Building, No. 15 Nguyen Luong Bang Street, Tan My Ward, Ho Chi Minh City.*	2025	Nghị Quyết HĐQT số 07/2024/NQ-HĐQT về việc ủy quyền cho người đại diện pháp luật ký kết các hợp đồng giao dịch với người có liên quan, ngày 15/11/2024 *BOD Resolution No. 07/2024/NQ-HĐQT on*	Phải thu khác (thu chi hộ, thuê VP) *Other receivables (on-behalf collections and payments; office rental revenue).*	16.385.857.817	
							Phải trả người bán *Account payable to suppliers.*	4.263.573.999	
							Doanh thu từ phí bản quyền phần mềm hàng tháng *Revenue from monthly software royalty fees*	1.768.863.825	

						authorizing the legal representative to execute transactions with related parties, dated 15 November 2024	Doanh thu từ chuyển nhượng quyền tác giả phần mềm *Revenue from transfer of software copyright*	23.174.000.000	
							Doanh thu chia sẻ theo hợp đồng tích hợp trò chơi trực tuyến *Shared revenue in accordance with online game intergration contract*	4.667.704.081	
							Doanh thu chia sẻ theo hợp đồng tích hợp trò chơi trực tuyến - kênh Zingcard *Shared revenue in accordance with online game intergration contract - via Zingcard*	(31.009.204.814)	Doanh thu chia sẻ, VNG ghi giảm doanh thu phần trả lại cho cty con *Shared revenue, with VNG recording a reduction in revenue for the portion returned to the subsidiary*
							Doanh thu cho thuê văn phòng *Office-space rental revenue*	336.000.000	
							Chi phí bản quyền hàng tháng (royalty) *Monthly royalty fees*	13.978.045.172	

							Thu về nhượng bán, thanh lý CCDC *Revenue from the sale and disposal of tools and equipment*	9.691.268.271	
							Thu nhập bất thường khác *Other extraordinary revenue*	100.000	
11.	Công Ty TNHH VNG Online *VNG Online Company Limited*	Công ty con/ *Subsidiary*	Mã số doanh nghiệp: 0106180708, cấp ngày 16/5/2013 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội *Registration No. 0106180708; date of issue: 16/5/2013; place of issue: Ha Noi Department of Planning & Investment*	Tầng 16, Tòa nhà ROX Tower, số 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng, TP. Hà Nội. *16th Floor, ROX Tower, No. 54A Nguyen Chi Thanh, Lang Ward, Ha Noi City.*	2025	Nghị Quyết HĐQT số 07/2024/NQ-HĐQT về việc ủy quyền cho người đại diện pháp luật ký kết các hợp đồng giao dịch với người có liên quan, ngày 15/11/2024 *BOD Resolution No. 07/2024/NQ-HĐQT on authorizing the legal representative to execute transactions with related parties, dated 15 November 2024*	Phải thu khác (thu chi hộ, thuê VP) *Other receivables (on-behalf collections and payments; office rental revenue).*	2.210.352.631	
							Phải trả người bán *Account payable to suppliers*	27.500.000	
							Thu nhập bất thường khác *Other extraordinary revenue*	100.000	

12.	ZingPlay International Pte. Ltd	Công ty con/ *Subsidiary*	Giấy chứng nhận thành lập số 201823533C; cấp ngày 11/7/2018 bởi ACRA *Registration No. 201823533C; date of issue: 11/7/2018; place of issue: ACRA*	9 Raffles Place #08-03, Republic Plaza, Singapore (048619)	2025	Nghị Quyết HĐQT số 07/2024/NQ-HĐQT về việc ủy quyền cho người đại diện pháp luật ký kết các hợp đồng giao dịch với người có liên quan, ngày 15/11/2024 *BOD Resolution No. 07/2024/NQ-HĐQT on authorizing the legal representative to execute transactions with related parties, dated 15 November 2024*	Phải thu khác (thu chi hộ, thuê VP) *Other receivables (on-behalf collections and payments; office rental revenue).*	1.067.276.935	
							Doanh thu từ phí bản quyền phần mềm hàng tháng *Revenue from monthly software royalty fees*	42.924.058	
13.	Công Ty Cổ Phần VNG Data Center *VNG Data Center Joint Stock Company*	Công ty con/ *Subsidiary*	Mã số doanh nghiệp: 0317176017, cấp ngày 03/3/2020 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh *Registration No. 0317176017; date of issue: 03/3/2020;*	Z06 Đường số 13, KCN trong KCX Tân Thuận, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. *Z06 Street No. 13, Industry Park in Tan*	2025	Nghị Quyết HĐQT số 07/2024/NQ-HĐQT về việc ủy quyền cho người đại diện pháp luật ký kết các hợp đồng giao dịch với người có liên quan, ngày 15/11/2024 *BOD Resolution*	Phải thu khác (thu chi hộ, thuê VP) *Other receivables (on-behalf collections and payments; office rental revenue).*	865.751.920	
							Doanh thu quản lý và vận hành hệ thống *Revenue from system*	3.128.069.000	

			place of issue: HCMC Department of Planning & Investment	*Thuan EPZ, Tan Thuan Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.*		*No. 07/2024/NQ-HĐQT on authorizing the legal representative to execute transactions with related parties, dated 15 November 2024*	*administration and operation*		
14.	VNG Games Co., Ltd	Công ty con/ *Subsidiary*	Giấy chứng nhận thành lập số 010556315847 0; cấp ngày 26/10/2020 bởi Department of *Business Development Registration No. 010556315847 0, date of issue: 26/10/2020; place of issue: Department of Business Development*	591 UBC 2 Tower, 17 Floor, Room no. 1704, Sukhumvit Road, Klongton Nue, Wattana, Bangkok, Thái Lan	2025	Nghị Quyết HĐQT số 07/2024/NQ-HĐQT về việc ủy quyền cho người đại diện pháp luật ký kết các hợp đồng giao dịch với người có liên quan, ngày 15/11/2024 *BOD Resolution No. 07/2024/NQ-HĐQT on authorizing the legal representative to execute transactions with related parties, dated 15 November 2024*	Phải thu khác (thu chi hộ, thuê VP) *Other receivables (on-behalf collections and payments; office rental revenue).*	21.846.287	

15.	Công Ty Cổ Phần Adtima *Adtima Joint Stock Company*	Công ty con/ *Subsidiary*	Mã số doanh nghiệp: 0316928193, cấp ngày 05/7/2021 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh *Registration No. 0316928193; date of issue: 05/7/2021; place of issue: HCMC Department of Planning & Investment*	412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, TP. Hồ Chí Minh. *412 Nguyen Thi Minh Khai Street, Ban Co Ward, Ho Chi Minh City.*	2025	Nghị Quyết HĐQT số 07/2024/NQ-HĐQT về việc ủy quyền cho người đại diện pháp luật ký kết các hợp đồng giao dịch với người có liên quan, ngày 15/11/2024 *BOD Resolution No. 07/2024/NQ-HĐQT on authorizing the legal representative to execute transactions with related parties, dated 15 November 2024*	Phải thu từ cung cấp dịch vụ *Receivables from service provision*	20.106.288.628	
							Phải thu khác (thu chi hộ, thuê VP) *Other receivables (on-behalf collections and payments; office rental revenue).*	574.652.186	
							Doanh thu từ phí bản quyền phần mềm hàng tháng *Revenue from monthly software royalty fees*	65.595.600.000	
							Doanh thu cung cấp DVQC – HĐQC *Revenue from advertising services – advertising contracts.*	41.510.602.506	
							Doanh thu DVQC Từ HĐ Hợp Tác *Revenue from advertising service under with cooperation agreement(s)*	40.817.320.341	
							Doanh thu cung cấp DVQC - Self Serving *Revenue from advertising services - Self Serving*	25.781.407.321	

							Doanh thu dịch vụ tin nhắn ZNS *Revenue from ZNS text message service*	2.102.561.040	
							Doanh thu dịch vụ Enterprise OA *Revenue from Enterprise OA service*	4.896.132.736	
							Giá vốn dịch vụ quảng cáo VNG Group *Cost of advertising services – VNG Group*	36.075.011	
							Chi phí đăng quảng cáo trên website, ad-network *Cost of advertisement postings on website, ad-network*	132.008.600	
							Chi phí nghiên cứu thị trường thuộc hoạt động MKT *Market research expenses relating to MKT activities*	157.260.115	
16.	Công Ty Cổ Phần Fiza *Fiza Joint Stock Company*	Công ty con/ *Subsidiary*	Mã số doanh nghiệp: 0316928404, cấp ngày 05/7/2021 bởi	Khu thương mại dịch vụ tại tầng 2, Tháp B2, Khu chung	2025	Nghị Quyết HĐQT số 07/2024/NQ-HĐQT về việc ủy quyền cho	Phải thu từ cung cấp dịch vụ *Account receivable from service provision*	14.084.862.604	

			Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh *Registration No. 0316928404; date of issue: 05/7/2021; place of issue: HCMC Department of Planning & Investment*	cư phức hợp Lô M2 (Sarimi) – Số 72 đường Nguyễn Cơ Thạch, Phường An Lợi Đông, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh *Commercial and service area on the 2nd floor, Tower B2, Apartment Complex Lot M2 (Sarimi) - No. 72 Nguyen Co Thach Street, An Loi Dong Ward, City. Thu Duc City. Ho Chi Minh City*		người đại diện pháp luật ký kết các hợp đồng giao dịch với người có liên quan, ngày 15/11/2024 *BOD Resolution No. 07/2024/NQ-HĐQT on authorizing the legal representative to execute transactions with related parties, dated 15 November 2024*	Phải thu khác (thu chi hộ, thuê VP) *Other receivables (on-behalf collections and payments; office rental revenue)*	23.246.332	
							Doanh thu dịch vụ Leadgen *Revenue from Leadgen service*	86.074.865.818	
							Doanh thu DVQC HR Tech *Revenue from HR Tech advertisment service*	2.723.789.242	
							Doanh thu từ cung cấp dịch vụ eKYC *Revenue from eKYC service provision*	718.148.085	
17.	Công Ty TNHH A4B *A4B Co., LTD*	Công ty con/ *Subsidiary*	Mã số doanh nghiệp: 0317152763, cấp ngày 16/02/2022 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh *Registration*	Tầng 2, Tòa nhà Saigon Paragon, số 3 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh *Floor 2, Saigon*	2025	Nghị Quyết HĐQT số 07/2024/NQ-HĐQT về việc ủy quyền cho người đại diện pháp luật ký kết các hợp đồng giao dịch với người có liên	Phải thu khác (thu chi hộ, thuê VP) *Other receivables (on-behalf collections and payments; office rental revenue).*	3.774.717	
							Phải trả từ mua dịch vụ *Account payable*	150.000.000	

			No. 0317152763; date of issue: 16/02/2022; place of issue: HCMC Department of Planning & Investment	*Paragon Building, No. 3 Nguyen Luong Bang Street, Tan My Ward, Ho Chi Minh City.*		quan, ngày 15/11/2024 *BOD Resolution No. 07/2024/NQ-HĐQT on authorizing the legal representative to execute transactions with related parties, dated 15 November 2024*	*from service procurement*		
							Chi phí phần mềm, hệ thống kỹ thuật hỗ trợ sản phẩm *Expenses relating to software and product support technical systems*	160.000.000	
18.	Công Ty Cổ Phần Verichains/ *Verichains JSC*	Công Ty Liên Kết/*Associate*	Mã số doanh nghiệp: 0317231038, cấp ngày 04/4/2022 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh *Registration No. 0317231038; date of issue: 04/4/2022; place of issue: HCMC Department of Planning & Investment*	Tầng 2, Tòa nhà Saigon Paragon, số 3 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh *Floor 2, Saigon Paragon Building, No. 3 Nguyen Luong Bang Street, Tan Phu Ward, District 7, Ho Chi Minh City.*	2025	Nghị Quyết HĐQT số 07/2024/NQ-HĐQT về việc ủy quyền cho người đại diện pháp luật ký kết các hợp đồng giao dịch với người có liên quan, ngày 15/11/2024 *BOD Resolution No. 07/2024/NQ-HĐQT on authorizing the legal representative to execute transactions with related*	Phải thu khác (thu chi hộ, thuê VP) *Other receivables (on-behalf collections and payments; office rental revenue).*	3.417.548.036	
							Phải trả từ mua dịch vụ *Account payable from service procurement*	3.914.998.920	
							Doanh thu cho thuê văn phòng *Office-space rental revenue*	703.800.000	
							Doanh thu từ dịch vụ và tư vấn Kỹ thuật/Công nghệ *Revenue from the provision of services and consultancy*	829.510.500	

						parties, dated 15 November 2024	*relating to technical matters/technology*		
							Chi phí dịch vụ công nghệ thông tin mua ngoài *Expenses relating to outsourced IT services*	3.624.999.000	
							Thu về nhượng bán, thanh lý TSCĐ *Proceeds from the sale and disposal of fixed assets*	1.706.452.769	
19.	Công Ty Cổ Phần Mixus *Mixus Joint Stock Company*	Công ty con/ *Subsidiary*	Mã số doanh nghiệp: 0317257452, cấp ngày 20/4/2022 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh *Registration No. 0317257452; date of issue: 20/4/2022; place of issue: HCMC Department of Planning & Investment*	Khu thương mại dịch vụ tại Tầng 2 (hai), Tháp B2, Khu chung cư phức hợp Lô M2 (Sarimi) - Số 72 đường Nguyễn Cơ Thạch, phường An Lợi Đông, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam *Commercial*	2025	Nghị Quyết HĐQT số 07/2024/NQ-HĐQT về việc ủy quyền cho người đại diện pháp luật ký kết các hợp đồng giao dịch với người có liên quan, ngày 15/11/2024 *BOD Resolution No. 07/2024/NQ-HĐQT on authorizing the legal representative to*	Phải thu khác (thu chi hộ, thuê VP) *Other receivables (on-behalf collections and payments; office rental revenue).*	4.337.822	
							Doanh thu DV Business Accounts *Revenue from Business Accounts service provision*	72.363.636	
							Doanh thu Content Distribution - Media *Revenue from Content Distribution - Media*	2.092.033.229	

				and service area at Floor 2 (second), Tower B2, Apartment Complex Lot M2 (Sarimi) - No. 72 Nguyen Co Thach Street, An Loi Dong Ward, Thu Duc City, HCMC, Vietnam		*execute transactions with related parties, dated 15 November 2024*	Doanh thu Shop Streaming *Revenue from Shop Streaming*	1.268.861.713	
							Doanh thu nhạc chuông chờ *Revenue from ringtones*	1.769.438.814	
							Chi phí bản quyền tác giả *Copyright expenses*	4.629.629.630	
20.	KMZ Interactive Entertainment (Shenzhen) Co., Ltd	Công ty con/ *Subsidiary*	Giấy chứng nhận thành lập số 91440300MA 5HC0HF82; cấp ngày 30/5/2022 bởi Shenzhen AMR Registration No. 91440300MA 5HC0HF82; date of issue: 30/5/2022; place of issue: Shenzhen AMR	1484-2, Unit 14A, 14/F Times Financial Centre, No.4001 Shennan Avenue, Futian District, Shenzhen, China	2025	Nghị Quyết HĐQT số 07/2024/NQ-HĐQT về việc ủy quyền cho người đại diện pháp luật ký kết các hợp đồng giao dịch với người có liên quan, ngày 15/11/2024 *BOD Resolution No. 07/2024/NQ-HĐQT on authorizing the legal representative to execute transactions with related*	Phải thu khác (thu chi hộ) *Other receivables (on-behalf collections and payments).*	2.575.834	

						parties, dated 15 November 2024			
21.	InstantiaPay PTY.LTD	Công ty con/ Subsidiary	Giấy chứng nhận thành lập số 662372394; cấp ngày 12/09/2022 bởi ASIC *Registration No. 662372394; date of issue: 12/09/2022; place of issue: ASIC*	Suite 3.45, Level 3, 60 Martin Place, Sydney NSW 2000	2025	Nghị Quyết HĐQT số 07/2024/NQ-HĐQT về việc ủy quyền cho người đại diện pháp luật ký kết các hợp đồng giao dịch với người có liên quan, ngày 15/11/2024 *BOD Resolution No. 07/2024/NQ-HĐQT on authorizing the legal representative to execute transactions with related parties, dated 15 November 2024*	Phải thu khác (thu chi hộ) *Other receivables (on-behalf collections and payments).*	18.982.982	

22.	Công Ty Cổ Phần Phát Triển Phần Mềm VTH/*VTH Development Software JSC*	Công ty liên kết/*Associate*	Mã số doanh nghiệp: 0317484078, cấp ngày 21/09/2020 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh *Registration No. 0317484078; date of issue: 21/09/2020; place of issue: HCMC Department of Planning & Investment*	Z06 Đường số 13, KCN trong KCX Tân Thuận, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. *Z06 Street No. 13, Industry Park in Tan Thuan EPZ, Tan Thuan Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.*	2025	Nghị Quyết HĐQT số 07/2024/NQ-HĐQT về việc ủy quyền cho người đại diện pháp luật ký kết các hợp đồng giao dịch với người có liên quan, ngày 15/11/2024 *BOD Resolution No. 07/2024/NQ-HĐQT on authorizing the legal representative to execute transactions with related parties, dated 15 November 2024*	Phải thu từ cung cấp dịch vụ *Receivables from service provision*	59.292.000	
							Doanh thu từ cung cấp hàng hoá dịch vụ khác - Excluding Game Group & Zalo Group *Revenue from the sales of other goods and provision of other services - Excluding Game Group & Zalo Group*	628.800.000	
23.	Công Ty Cổ Phần GreenNode *GreenNode Joint Stock Company*	Công ty con/ *Subsidiary*	Mã số doanh nghiệp: 0318135471, cấp ngày 30/10/2023 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh *Registration No. 0318135471; date of issue:*	Tòa nhà Golden King, số 15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh. *Golden King Building, No. 15 Nguyen Luong Bang Street, Tan*	2025	Nghị Quyết HĐQT số 07/2024/NQ-HĐQT về việc ủy quyền cho người đại diện pháp luật ký kết các hợp đồng giao dịch với người có liên quan, ngày 15/11/2024 *BOD Resolution*	Doanh thu dịch vụ tin nhắn ZNS *Revenue from ZNS text message service*	1.038.296.020	
							Doanh thu dịch vụ Enterprise OA *Revenue from Enterprise OA service*	14.678.173	

			30/10/2023; place of issue: HCMC Department of Planning & Investment	*My Ward, Ho Chi Minh City.*		*No. 07/2024/NQ-HĐQT on authorizing the legal representative to execute transactions with related parties, dated 15 November 2024*			
24.	Công Ty TNHH 2MoreBits *2MoreBits Company Limited*	Công ty con/ *Subsidiary*	Mã số doanh nghiệp: 0110944297, cấp ngày 20/2/2025 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội *Registration No. 0110944297; date of issue: 20/2/2025; place of issue: Ha Noi Department of Planning & Investment*	Số 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng, TP. Hà Nội. *54A Nguyen Chi Thanh Street, Lang Ward, Ha Noi City.*	2025	Nghị Quyết HĐQT số 07/2024/NQ-HĐQT về việc ủy quyền cho người đại diện pháp luật ký kết các hợp đồng giao dịch với người có liên quan, ngày 15/11/2024 *BOD Resolution No. 07/2024/NQ-HĐQT on authorizing the legal representative to execute transactions with related parties, dated 15 November 2024*	Phải thu khác (thu chi hộ, thuê VP) *Other receivables (on-behalf collections and payments; office rental revenue).*	7.197.785.937	
							Doanh thu cho thuê văn phòng *Office-space rental revenue*	2.563.200.000	

25.	Công Ty TNHH Zalo Platforms *Zalo Platforms Company Limited*	Công ty con/ *Subsidiary*	Mã số doanh nghiệp: 0318836678, cấp ngày 17/02/2025 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh *Registration No. 0318836678; date of issue: 17/02/2025; place of issue: HCMC Department of Planning & Investment*	Tầng 2, Tòa nhà Saigon Paragon, số 3 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh *2nd Floor, Saigon Paragon building, No.3 Nguyen Luong Bang, Tan My Ward, Ho Chi Minh City.*	2025	Nghị Quyết HĐQT số 07/2024/NQ-HĐQT về việc ủy quyền cho người đại diện pháp luật ký kết các hợp đồng giao dịch với người có liên quan, ngày 15/11/2024 *BOD Resolution No. 07/2024/NQ-HĐQT on authorizing the legal representative to execute transactions with related parties, dated 15 November 2024*	Phải thu khác (thu chi hộ, thuê VP) *Other receivables (on-behalf collections and payments; office rental revenue).*	566.297.000	
							Phải trả từ mua dịch vụ *Account payable from service procurement*	7.683.333	
							Doanh thu từ cung cấp hàng hoá dịch vụ khác - Excluding Game Group & Zalo Group *Revenue from the sales of other goods and provision of other services - Excluding Game Group & Zalo Group*	100.000	
							Doanh thu cho thuê văn phòng *Office-space rental revenue*	1.264.000.000	

26.	VNGGames PTE. LTD.	Công ty con/ *Subsidiary*	Giấy chứng nhận thành lập số 202529066M; cấp ngày 04/7/2025 bởi ACRA *Registration No. 202529066M; date of issue: 04/7/2025; place of issue: ACRA*	9 Raffles Place #08-03, Republic Plaza, Singapore (048619)	2025	Nghị Quyết HĐQT số 07/2024/NQ-HĐQT về việc ủy quyền cho người đại diện pháp luật ký kết các hợp đồng giao dịch với người có liên quan, ngày 15/11/2024 *BOD Resolution No. 07/2024/NQ-HĐQT on authorizing the legal representative to execute transactions with related parties, dated 15 November 2024*	Phải thu khác (thu chi hộ) *Other receivables (on-behalf collections and payments).*	794.246	
27.	Công Ty TNHH VNGGames *VNGGames Co., Ltd*	Công ty con/ *Subsidiary*	Mã số doanh nghiệp: 0319088834, cấp ngày 11/08/2025 bởi Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh. *Registration No. 0319088834,*	Tầng 2, Tòa nhà Saigon Paragon, số 3 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh *2nd Floor, Saigon Paragon*	2025	Nghị Quyết HĐQT số 07/2024/NQ-HĐQT về việc ủy quyền cho người đại diện pháp luật ký kết các hợp đồng giao dịch với người có liên quan, ngày	Phải thu từ cung cấp dịch vụ *Account receivable from service provision*	273.497.600	
							Phải thu khác (thu chi hộ) *Other receivables (on-behalf collections and payments).*	2.413.004.088	

			date of issue: 11/08/2025, place of issue: HCMC Department of Finance.	*building, No.3 Nguyen Luong Bang, Tan My Ward, Ho Chi Minh City.*		15/11/2024 *BOD Resolution No. 07/2024/NQ-HĐQT on authorizing the legal representative to execute transactions with related parties, dated 15 November 2024*	Phải trả từ mua dịch vụ *Account payable from service procurement*	631.267.199	
							Doanh thu chia sẻ theo hợp đồng tích hợp trò chơi trực tuyến *Shared revenue in accordance with online game intergration contract*	(632.329.628)	Doanh thu chia sẻ, VNG ghi giảm doanh thu phần trả lại cho cty con *Shared revenue, with VNG recording a reduction in revenue for the portion returned to the subsidiary*
							Doanh thu từ cung cấp nền tảng VNG Group *Revenue from the provision of VNG Group platform*	291.003.630	
							Doanh thu cho thuê văn phòng *Office-space rental revenue*	2.099.200.000	
							Thu nhập bất thường khác *Other extraordinary revenue*	100.000	

PHỤ LỤC 3

Giao dịch giữa Công Ty với công ty mà Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, TGĐ và Nhà Quản Lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc Thành viên HĐQT, TGĐ trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo):

APPENDIX 3

Transactions between the Company and companies where members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, the General Director, and other Managers have been or are founders or members of the Board of Directors, General Director within the past three (03) years (as of the reporting date):

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/ individual*	Mối quan hệ liên quan với thành viên HĐQT, BKS, TGĐ và người quản lý khác *Relationship with the members of the BOD, BOS, Director and other Managers*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.* date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm giao dịch với công ty *Time of transactions with the Company*	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) *Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)*	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ *Content, quantity, total value of transaction*		Ghi chú *Note*
							Nội dung/*Content*	Giá trị/*Value* (VND)	
1.	VNG Limited	Ông Lê Hồng Minh là Tổng Giám Đốc *Mr. Le Hong Minh is CEO* Ông Vương Quang Khải	Số đăng ký 388836, cấp ngày 01/04/2022 tại Cayman Islands. *Registration No. 388836; date of issue: 01/04/2022; place of issue: Cayman Islands*	190 Elgin Avenue, George Town, Grand Cayman KY1-9008, Cayman Islands	Tháng 7 năm 2023 *July 2023*	05A/2023/NQ-HĐQT	Ký kết/ *To enter into*: Phụ lục điều chỉnh thỏa thuận cổ đông với VNG Limited và các cổ đông của VNG Limited/*The*		

		là Thành viên HĐQT *Mr. Vuong Quang Khai is the member of BOD* Bà Christina Gaw là Thành viên HĐQT *Ms. Christina Gaw is the member of BOD* Ông Edphawin Jetjirawat là Thành viên HĐQT *Mr. Edphawin Jetjirawat is the member of BOD*					*amendment to the shareholder's agreement with VNG Limited and its shareholder;* Phụ lục điều chỉnh thỏa thuận chuyển nhượng cổ phần giữa VNG Limited và các bên chuyển nhượng. /*The amendment to the share purchase agreement between VNG Limited anh the sellers.*		
2.	VNG Limited	Ông Lê Hồng Minh là Tổng Giám Đốc *Mr. Le Hong Minh is CEO* Ông Vương Quang Khải là Thành viên HĐQT *Mr. Vuong Quang Khai is the*	Số đăng ký 388836, cấp ngày 01/04/2022 tại Cayman Islands. *Registration No. 388836; date of issue: 01/04/2022; place of issue: Cayman Islands*	190 Elgin Avenue, George Town, Grand Cayman KY1-9008, Cayman Islands		03/2024/NQ-HĐQT-VNG ngày 08 tháng 05 năm 2024. 03/2024/NQ-HĐQT-VNG dated 08 May 2024.	Ký kết/ *To enter into*: Thỏa Thuận Cổ Đông Sửa Đổi với VNG Limited và các cổ đông của VNG Limited/*The Amended and Restated Shareholders' Agreement*		

		member of BOD Bà Christina Gaw là Thành viên HĐQT *Ms. Christina Gaw is the member of BOD* Ông Edphawin Jetjirawat là Thành viên HĐQT *Mr. Edphawin Jetjirawat is the member of BOD*					*amongs VNG Limited and its shareholders;* Phụ lục điều chỉnh số 2 của thỏa thuận chuyển nhượng cổ phần giữa VNG Limited và các bên chuyển nhượng. *The amendment No.2 to the share purchase agreement between VNG Limited anh the sellers.*		
3.	Công Ty Cổ Phần Zion/*Zion JSC*	Ông Wong Kelly Yin Hon là Thành viên HĐQT *Mr. Wong Kelly Yin Hon is the member of BOD*	Mã số doanh nghiệp: 0101659783, cấp ngày 22/4/2005 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội *Registration No. 0101659783; date of issue: 22/4/2005; place of issue: Ha Noi Department of Planning & Investment*	Z06 Đường số 13, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. *Z06 Street No. 13, Tan Thuan Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.*	2025	Nghị Quyết HĐQT số 07/2024/NQ-HĐQT về việc ủy quyền cho người đại diện pháp luật ký kết các hợp đồng giao dịch với người có liên quan, ngày 15/11/2024 *BOD Resolution No. 07/2024/NQ-*	Phải thu cung cấp dịch vụ *Account receivable from service provision*	61.678.264.000	
							Phải thu khác (thu chi hộ) *Other receivables (on-behalf collections and payments).*	10.485.868.649	
							Đầu tư vào công ty con *Investments into subsidiaries*	410.000.000.000	

						HĐQT on authorizing the legal representative to execute transactions with related parties, dated 15 November 2024	Phải trả phí kênh thanh toán *Account payable - payment channel fees*	36.785.750	
							Doanh thu cho thuê văn phòng *Office-space rental revenue*	22.800.000.000	
							Chi phí khác *Other expenses*	2.035.067	
							Chi phí hỗ trợ thanh toán qua Zalopay App *Fees for the assistance of payment via Zalopay app*	31.637.231.205	
							Chi phí hỗ trợ thanh toán qua Zalopay Gateway-Thẻ nội địa *Fees for the assistance of payment via Zalopay Gateway-Domestic cards*	16.310.324.420	
							Công tác phí và chi phí khác để tổ chức sự kiện theo MKT plan *Travel expenses and other costs for organizing events in accordance with the MKT plan*	454.545	

							Chi phí giải thưởng khuyến mãi bằng tiền *Cash promotional price expenses*	34.060.880	
4.	Quỹ Kiến Tạo Ước Mơ/*Dream Maker Foundation*	Bà Trương Thị Thanh là Chủ Tịch Hội Đồng Quản Lý Quỹ *Ms. Truong Thi Thanh is the Chairwoman of the Fund Management Board*	Quyết định thành lập số 502/QD-BNV ngày 12/5/2010 của Bộ Nội Vụ *Establishment Decision No. 502/QD-BNV dated 12/5/2010 of the Ministry of Home Affairs*	Z06 Đường số 13, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. *Z06 Street No. 13, Tan Thuan Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.*	2025	Nghị Quyết HĐQT số 07/2024/NQ-HĐQT về việc ủy quyền cho người đại diện pháp luật ký kết các hợp đồng giao dịch với người có liên quan, ngày 15/11/2024 *BOD Resolution No. 07/2024/NQ-HĐQT on authorizing the legal representative to execute transactions with related parties, dated 15 November 2024*	Chi phí từ thiện, tài trợ *Charity, sponsorship expenses*	11.274.665.552	
5.	Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Dữ Liệu CNTT Vi Na/	- Ông Lê Hồng Minh là Chủ tịch HĐQT *Mr. Le Hong*	Mã số doanh nghiệp: 0304851362, cấp ngày 26/02/2007 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HỒ CHÍ MINH	Tòa nhà Golden King, số 15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân	2025	Nghị Quyết HĐQT số 07/2024/NQ-HĐQT về việc ủy quyền cho	Phải thu từ cung cấp dịch vụ *Account receivable from service provision*	676.260.997	

	VINADATA JSC	*Minh is the Chairman of BOD* - Ông Wong Kelly Yin Hon là Giám Đốc *Mr. Wong Kelly Yin Hon is the Director*	*NSH No. 0304851362; date of issue: 26/02/2007; place of issue: HCMC Department of Planning & Investment*	Mỹ, TP. Hồ Chí Minh. *Golden King Building, No. 15 Nguyen Luong Bang Street, Tan My Ward, Ho Chi Minh City.*		người đại diện pháp luật ký kết các hợp đồng giao dịch với người có liên quan, ngày 15/11/2024 *BOD Resolution No. 07/2024/NQ-HĐQT on authorizing the legal representative to execute transactions with related parties, dated 15 November 2024*	Phải thu khác (thu chi hộ) *Other receivables (on-behalf collections and payments).*	56.040.961	
							Phải trả cho người bán *Account payable to suppliers*	136.770.685.006	
							Doanh thu DV Business Accounts *Revenue from Business Account services*	372.310.909	
							Doanh thu cho thuê văn phòng *Office-space rental revenue*	6.199.210.872	
							Doanh thu từ dịch vụ và tư vấn Kỹ thuật/Công nghệ *Revenue from the provision of services and consultancy relating to technical matters/technology*	1.200.000.000	
							Chi phí thuê server *Server rental expenses*	346.358.000.000	
							Chi phí telehosting Vinadata *Vinadata telehosting expenses*	12.573.291.404	

							Chi phí Public Cloud service *Public Cloud service expenses*	40.834.760.158	
							Chi phí phần mềm, hệ thống kỹ thuật hỗ trợ sản phẩm *Expenses relating to software and product support technical systems*	300.000.000	
							Chí phí thuê dịch vụ Camera *Camera rental service expenses*	815.690.400	
							Thu về nhượng bán, thanh lý TSCĐ *Revenue from the sale and disposal of fixed assets*	340.000.000	
							Chi phí cho hoạt động từ thiện, tài trợ *Charity, sponsorship expenses*	604.561.286	
6.	Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Truyền Thông Thanh Sơn *Thanh Son Communication Services Trading*	Bà Trương Thị Thanh là Chủ Tịch HĐTV *Ms. Truong Thi Thanh is the Chairwoman*	Mã số doanh nghiệp: 0105370181, cấp ngày 20/6/2011 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội *Registration No. 0105370181; date of issue: 20/6/2011; place of issue: Ha Noi*	Tầng 17, Tòa nhà ROX Tower, số 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng, TP. Hà Nội. *17th Floor, ROX Tower,*	2025	Nghị Quyết HĐQT số 07/2024/NQ-HĐQT về việc ủy quyền cho người đại diện pháp luật ký kết các hợp đồng giao dịch	Phải thu từ cung cấp dịch vụ *Account receivable from service provision*	40.720.050.000	
							Phải thu khác (thu chi hộ) *Other receivables (on-behalf*	158.600.000	

	Company Limited	*of the Board of Members*	*Department of Planning & Investment*	*No. 54A Nguyen Chi Thanh, Lang Ward, Ha Noi City.*		với người có liên quan, ngày 15/11/2024 *BOD Resolution No. 07/2024/NQ-HĐQT on authorizing the legal representative to execute transactions with related parties, dated 15 November 2024*	*collections and payments)*		
							Trả trước cung cấp dịch vụ *Pre-paid from service provision*	161.492.200	
							Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn *Long-term deposits and security deposits received*	252.720.000	
							Doanh thu từ bán thẻ Zing eCode *Zing eCode sales revenue*	1.253.951.125.000	
							Coin 1- Giảm doanh thu từ chương trình khách hàng thân thiết- Thẻ Zing *Coin 1 – Reduction of revenue from the customer loyalty program – Zing Card*	5.146.672	
							Chi phí văn phòng *Office-related expenses*	1.730.181.816	
							Phải thu khác (thu chi hộ) *Other receivables (on-behalf collections and payments).*	246.120	Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh *Ho Chi Minh City Branch*

							Phải trả từ mua dịch vụ *Payables from service procurement*	130.761.600	Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh *Ho Chi Minh City Branch*
							Chi phí test sản phẩm *Product testing expenses*	192.044.447	Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh *Ho Chi Minh City Branch*
							Chi phí khác *Other expenses*	6.666.667	Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh *Ho Chi Minh City Branch*
							Giải thưởng khuyến mãi bằng Zingxu *Promotional expenses incurred via Zingxu*	288.959.997	Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh *Ho Chi Minh City Branch*
							Chi phí giải thưởng khuyến mãi bằng hiện vật *Promotional prize (in kind) expenses*	16.711.110	Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh *Ho Chi Minh City Branch*
							Chi phí nghiên cứu thị trường thuộc hoạt động MKT *Market research expenses relating to MKT activities*	4.404.545	Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh *Ho Chi Minh City Branch*

7.	VNG Singapore Pte. Ltd	- Ông Lê Hồng Minh là Giám Đốc *Mr. Le Hong Minh is the Director* - Ông Wong Kelly Yin Hon là Giám Đốc *Mr. Wong Kelly Yin Hon is the Director* - Ông Tan Wei Ming là Giám Đốc *Mr. Tan Wei Ming is the Director*	Giấy chứng nhận thành lập số 201209679M; cấp ngày 18/4/2012 bởi ACRA *Registration No. 201209679M; date of issue: 18/4/2012; place of issue: ACRA*	9 Raffles Place #08-03, Republic Plaza, Singapore (048619)	2025	Nghị Quyết HĐQT số 07/2024/NQ-HĐQT về việc ủy quyền cho người đại diện pháp luật ký kết các hợp đồng giao dịch với người có liên quan, ngày 15/11/2024 *BOD Resolution No. 07/2024/NQ-HĐQT on authorizing the legal representative to execute transactions with related parties, dated 15 November 2024*	Phải thu khác (thu chi hộ) *Other receivables (on-behalf collections and payments).*	823.607.986	
							Phải trả người bán *Account payable to suppliers.*	21.221.286.956	

8.	Công Ty Cổ Phần Công Nghệ EPI *EPI Technology Joint Stock Company*	- Ông Lê Hồng Minh là thành viên HĐQT *Mr. Le Hong Minh is member of the BOD* - Ông Vương Quang Khải là Chủ tịch HĐQT *Mr. Vuong Quang Khai is chairman of the BOD*	Mã số doanh nghiệp: 0101889875, cấp ngày 14/3/2006 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội *Registration No. 0101889875; date of issue: 14/3/2006; place of issue: Ha Noi Department of Planning & Investment*	Tầng 16, Tòa nhà ROX Tower, số 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng, TP. Hà Nội. *16th Floor, ROX Tower, No. 54A Nguyen Chi Thanh, Lang Ward, Ha Noi City.*	2025	Nghị Quyết HĐQT số 07/2024/NQ-HĐQT về việc ủy quyền cho người đại diện pháp luật ký kết các hợp đồng giao dịch với người có liên quan, ngày 15/11/2024 *BOD Resolution No. 07/2024/NQ-HĐQT on authorizing the legal representative to execute transactions with related parties, dated 15 November 2024*	Phải thu khác (thu chi hộ) *Other receivables (on-behalf collections and payments).*	1.809.920.166	
9.	ZingPlay International Pte. Ltd	- Ông Lê Hồng Minh là Giám Đốc *Mr. Le Hong Minh is the Director* - Ông Tan Wei Ming là Giám Đốc *Mr. Tan Wei Ming is the Director*	Giấy chứng nhận thành lập số 201823533C; cấp ngày 11/7/2018 bởi ACRA *Registration No. 201823533C; date of issue: 11/7/2018; place of issue: ACRA*	9 Raffles Place #08-03, Republic Plaza, Singapore (048619)	2025	Nghị Quyết HĐQT số 07/2024/NQ-HĐQT về việc ủy quyền cho người đại diện pháp luật ký kết các hợp đồng giao dịch với người có liên quan, ngày 15/11/2024	Phải thu khác (thu chi hộ, thuê VP) *Other receivables (on-behalf collections and payments; office rental revenue).*	1.067.276.935	
							Doanh thu từ phí bản quyền phần mềm hàng tháng *Revenue from*	42.924.058	

						BOD Resolution No. 07/2024/NQ-HĐQT on authorizing the legal representative to execute transactions with related parties, dated 15 November 2024	*monthly software royalty fees*		
10.	Công Ty Cổ Phần VNG Data Center *VNG Data Center Joint Stock Company*	Ông Tan Wei Ming là Chủ tịch HĐQT *Mr. Tan Wei Ming is chairman of the BOD*	Mã số doanh nghiệp: 0317176017, cấp ngày 03/3/2020 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh. *NSH No. 0317176017; date of issue: 03/3/2020; place of issue: Ho Chi Minh City Department of Planning & Investment*	Z06 Đường số 13, KCN trong KCX Tân Thuận, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. *Z06 Street No. 13, Industry Park in Tan Thuan EPZ, Tan Thuan Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.*	2025	Nghị Quyết HĐQT số 07/2024/NQ-HĐQT về việc ủy quyền cho người đại diện pháp luật ký kết các hợp đồng giao dịch với người có liên quan, ngày 15/11/2024 *BOD Resolution No. 07/2024/NQ-HĐQT on authorizing the legal representative to execute transactions with related parties, dated*	Phải thu khác (thu chi hộ, thuê VP) *Other receivables (on-behalf collections and payments; office rental revenue).*	865.751.920	
							Doanh thu quản lý và vận hành hệ thống *Revenue from system administration and operation*	3.128.069.000	

						15 November 2024			
11.	Công Ty Cổ Phần Verichains *Verichains JSC*	Ông Nguyễn Lê Thành là Giám Đốc kiêm Chủ Tịch HĐQT *Mr. Nguyen Le Thanh is Director cum Chairman of the BOD*	Mã số doanh nghiệp: 0317231038, cấp ngày 04/4/2022 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HỒ CHÍ MINH *Registration No. 0317231038; date of issue: 04/4/2022; place of issue: HCMC Department of Planning & Investment*	Tầng 2, Tòa nhà Saigon Paragon, số 3 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh *Floor 2, Saigon Paragon Building, No. 3 Nguyen Luong Bang Street, Tan Phu Ward, District 7, Ho Chi Minh City.*	2025	Nghị Quyết HĐQT số 07/2024/NQ-HĐQT về việc ủy quyền cho người đại diện pháp luật ký kết các hợp đồng giao dịch với người có liên quan, ngày 15/11/2024 *BOD Resolution No. 07/2024/NQ-HĐQT on authorizing the legal representative to execute transactions with related parties, dated 15 November 2024*	Phải thu khác (thu chi hộ, thuê VP) *Other receivables (on-behalf collections and payments; office rental revenue).*	3.417.548.036	
							Phải trả từ mua dịch vụ *Account payable from service procurement*	3.914.998.920	
							Doanh thu cho thuê văn phòng *Office-space rental revenue*	703.800.000	
							Doanh thu từ dịch vụ và tư vấn Kỹ thuật/Công nghệ *Revenue from the provision of services and consultancy relating to technical matters/technology*	829.510.500	
							Chi phí dịch vụ công nghệ thông tin mua ngoài *Expenses relating to outsourced IT services*	3.624.999.000	

							Thu về nhượng bán, thanh lý TSCĐ *Proceeds from the sale and disposal of fixed assets*	1.706.452.769	
12.	KMZ Interactive Entertainment (Shenzhen) Co., Ltd	Ông Wong Kelly Yin Hon là thành viên HĐQT *Mr. Wong Kelly Yin Hon is member of the BOD*	Giấy chứng nhận thành lập số 91440300MA5HC0HF82; cấp ngày 30/5/2022 bởi Shenzhen AMR Registration No. 91440300MA5HC0HF82; date of issue: 30/5/2022; place of issue: Shenzhen AMR	1484-2, Unit 14A, 14/F Times Financial Centre, No.4001 Shennan Avenue, Futian District, Shenzhen, China	2025	Nghị Quyết HĐQT số 07/2024/NQ-HĐQT về việc ủy quyền cho người đại diện pháp luật ký kết các hợp đồng giao dịch với người có liên quan, ngày 15/11/2024 *BOD Resolution No. 07/2024/NQ-HĐQT on authorizing the legal representative to execute transactions with related parties, dated 15 November 2024*	Phải thu khác (thu chi hộ) *Other receivables (on-behalf collections and payments).*	2.575.834	

13.	InstantiaPay PTY.LTD	Ông Lê Hồng Minh là Giám Đốc *Mr. Le Hong Minh is Director*	Giấy chứng nhận thành lập số 662372394; cấp ngày 12/09/2022 bởi ASIC *Registration No. 662372394; date of issue: 12/09/2022; place of issue: ASIC*	Suite 3.45, Level 3, 60 Martin Place, Sydney NSW 2000	2025	Nghị Quyết HĐQT số 07/2024/NQ-HĐQT về việc ủy quyền cho người đại diện pháp luật ký kết các hợp đồng giao dịch với người có liên quan, ngày 15/11/2024 *BOD Resolution No. 07/2024/NQ-HĐQT on authorizing the legal representative to execute transactions with related parties, dated 15 November 2024*	Phải thu khác (thu chi hộ) *Other receivables (on-behalf collections and payments).*	18.982.982	
14.	Công Ty Cổ Phần Phát Triển Phần Mềm VTH *VTH Development Software JSC*	Ông Tan Wei Ming là thành viên HĐQT *Mr. Tan Wei Ming is member of the BOD*	Mã số doanh nghiệp: 0317484078, cấp ngày 21/09/2020 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HỒ CHÍ MINH *Registration No. 0317484078; date of issue: 21/09/2020; place of issue: HCMC Department of Planning & Investment*	Z06 Đường số 13, KCN trong KCX Tân Thuận, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. *Z06 Street No. 13, Industry Park in Tan Thuan EPZ,*	2025	Nghị Quyết HĐQT số 07/2024/NQ-HĐQT về việc ủy quyền cho người đại diện pháp luật ký kết các hợp đồng giao dịch với người có liên quan, ngày 15/11/2024	Phải thu từ cung cấp dịch vụ *Receivables from service provision*	59.292.000	
							Doanh thu từ cung cấp hàng hoá dịch vụ khác - Excluding Game Group & Zalo Group *Revenue from the sales of other*	628.800.000	

				Tan Thuan Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.		*BOD Resolution No. 07/2024/NQ-HĐQT on authorizing the legal representative to execute transactions with related parties, dated 15 November 2024*	*goods and provision of other services - Excluding Game Group & Zalo Group*		
15.	Công Ty Cổ Phần GreenNode *GreenNode Joint Stock Company*	Ông Lê Hồng Minh là Chủ tịch HĐQT kiêm Giám Đốc *Mr. Le Hong Minh is Chairman of the Board of Directors cum Directors*	Mã số doanh nghiệp: 0318135471, cấp ngày 30/10/2023 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HỒ CHÍ MINH *NSH No. 0318135471; date of issue: 30/10/2023; place of issue: HCMC Department of Planning & Investment*	Tòa nhà Golden King, số 15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh. *Golden King Building, No. 15 Nguyen Luong Bang Street, Tan My Ward, Ho Chi Minh City.*	2025	Nghị Quyết HĐQT số 07/2024/NQ-HĐQT về việc ủy quyền cho người đại diện pháp luật ký kết các hợp đồng giao dịch với người có liên quan, ngày 15/11/2024 *BOD Resolution No. 07/2024/NQ-HĐQT on authorizing the legal representative to execute transactions with related parties, dated*	Doanh thu dịch vụ tin nhắn ZNS *Revenue from ZNS text message service*	1.038.296.020	
							Doanh thu dịch vụ Enterprise OA *Revenue from Enterprise OA service*	14.678.173	

						15 November 2024			
16.	Công Ty TNHH Zalo Platforms *Zalo Platforms Company Limited*	Ông Vương Quang Khải làm Chủ tịch Công Ty *Mr. Vuong Quang Khai is President of Company*	Mã số doanh nghiệp: 0318836678, cấp ngày 17/02/2025 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HỒ CHÍ MINH *Registration No. 0318836678; date of issue: 17/02/2025; place of issue: HCMC Department of Planning & Investment*	Tầng 2, Tòa nhà Saigon Paragon, số 3 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh *2nd Floor, Saigon Paragon building, No.3 Nguyen Luong Bang, Tan My Ward, Ho Chi Minh City.*	2025	Nghị Quyết HĐQT số 07/2024/NQ-HĐQT về việc ủy quyền cho người đại diện pháp luật ký kết các hợp đồng giao dịch với người có liên quan, ngày 15/11/2024 *BOD Resolution No. 07/2024/NQ-HĐQT on authorizing the legal representative to execute transactions with related parties, dated 15 November 2024*	Phải thu khác (thu chi hộ, thuê VP) *Other receivables (on-behalf collections and payments; office rental revenue).*	566.297.000	
							Phải trả từ mua dịch vụ *Account payable from service procurement*	7.683.333	
							Doanh thu từ cung cấp hàng hoá dịch vụ khác - Excluding Game Group & Zalo Group *Revenue from the sales of other goods and provision of other services - Excluding Game Group & Zalo Group*	100.000	
							Doanh thu cho thuê văn phòng *Office-space rental revenue*	1.264.000.000	

17.	VNGGames PTE. LTD.	Ông Wong Kelly Yin Hon là Giám Đốc *Mr. Wong Kelly Yin Hon is Director*	Giấy chứng nhận thành lập số 202529066M; cấp ngày 04/7/2025 bởi ACRA *Registration No. 202529066M; date of issue: 04/7/2025; place of issue: ACRA*	9 Raffles Place #08-03, Republic Plaza, Singapore (048619)	2025	Nghị Quyết HĐQT số 07/2024/NQ-HĐQT về việc ủy quyền cho người đại diện pháp luật ký kết các hợp đồng giao dịch với người có liên quan, ngày 15/11/2024 *BOD Resolution No. 07/2024/NQ-HĐQT on authorizing the legal representative to execute transactions with related parties, dated 15 November 2024*	Phải thu khác (thu chi hộ) *Other receivables (on-behalf collections and payments).*	794.246	
18.	Công Ty TNHH VNGGames *VNGGames Co., Ltd*	Ông Wong Kelly Yin Hon là Chủ Tịch Công Ty *Mr. Wong Kelly Yin Hon is the Chairman of the Company*	Mã số doanh nghiệp: 0319088834, cấp ngày 11/08/2025 bởi Sở Tài chính TP. HỒ CHÍ MINH. *Registration No. 0319088834, date of issue: 11/08/2025, place of issue: HCMC Department of Finance.*	Tầng 2, Tòa nhà Saigon Paragon, số 3 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh *2nd Floor, Saigon Paragon*	2025	Nghị Quyết HĐQT số 07/2024/NQ-HĐQT về việc ủy quyền cho người đại diện pháp luật ký kết các hợp đồng giao dịch với người có liên quan, ngày	Phải thu từ cung cấp dịch vụ *Account receivable from service provision*	273.497.600	
							Phải thu khác (thu chi hộ) *Other receivables (on-behalf collections and payments).*	2.413.004.088	

				building, No.3 Nguyen Luong Bang, Tan My Ward, Ho Chi Minh City.		15/11/2024 *BOD Resolution No. 07/2024/NQ-HĐQT on authorizing the legal representative to execute transactions with related parties, dated 15 November 2024*	Phải trả từ mua dịch vụ *Account payable from service procurement*	631.267.199	
							Doanh thu chia sẻ theo hợp đồng tích hợp trò chơi trực tuyến *Shared revenue in accordance with online game intergration contract*	(632.329.628)	Doanh thu chia sẻ, VNG ghi giảm doanh thu phần trả lại cho cty con *Shared revenue, with VNG recording a reduction in revenue for the portion returned to the subsidiary*
							Doanh thu từ cung cấp nền tảng VNG Group *Revenue from the provision of VNG Group platform*	291.003.630	
							Doanh thu cho thuê văn phòng *Office-space rental revenue*	2.099.200.000	
							Thu nhập bất thường khác *Other extraordinary revenue*	100.000	

PHỤ LỤC 4

Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ Công Ty

APPENDIX 4

The list of internal persons and their related persons of the Company

STT *No.*	**Họ và tên** *Name*	**Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)** *Securities trading account (if any)*	**Chức vụ tại công ty** *Position*	**Số CCCD/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp** *ID Card No./Passport No., date of issue, place of issue*	**Địa chỉ liên hệ** *Address*	**Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ** *Number of shares owned at the end of the period*	**Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ** *Percentage of shares owned at the end of the period*	**Ghi chú** *Note*
1	**Lê Hồng Minh**	[redacted]	**Chủ tịch HĐQT** *Chairman of the BOD*	[redacted]		**2.542.054**	**8.65%**	
	Lê Đình Lương	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không có *None*	Bố đẻ *Father*

	Lê An Minh	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không có *None*	Con đẻ *Children*
	Lê Ngân Minh	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không có *None*	Con đẻ *Children*
	Lê Hồng Giang	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	001069009717, 05/01/2023	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	46.986	0,16%	Anh/em ruột *Sibling*
	Hà Thị Mỹ Phương	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không có *None*	Chị/em dâu *Sister-in-law*
	Tô Mỹ Châu	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không có *None*	Vợ *Spouse*
	VNG Limited	068FCD3740 tại công ty chứng khoán Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Vietcap *068FCD3740 in the securities company: Vietcap Securities*	Không có *None*	Số đăng ký 388836, cấp ngày 01/04/2022 tại Cayman Islands. *Registration No. 388836; date of issue: 01/04/2022; place of issue: Cayman Islands*	190 Elgin Avenue, George Town, Grand Cayman KY1-9008, Cayman Islands	14.080.640	47,93%	Ông Lê Hồng Minh là Tổng Giám Đốc *Mr. Le Hong Minh is Chief Executive Officer*

		Joint Stock Company						
	Công Ty Cổ Phần Công Nghệ BIGV *BigV Technology Corporation*	068C888666 tại công ty chứng khoán Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Vietcap *068C888666 in the securities company: Vietcap Securities Joint Stock Company*	Không có *None*	Mã số doanh nghiệp: 0316949845, cấp ngày 06/08/2021 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh *NSH No. 0316949845; date of issue: 06/08/2021; place of issue: Ho Chi Minh City Department of Planning & Investment*	Tòa nhà Golden King, số 15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. *Golden King Building, No. 15 Nguyen Luong Bang Street, Tan My Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.*	6.110.547	20,80%	Ông Lê Hồng Minh là Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc *Mr. Le Hong Minh is Chairman of the Board of Directors cum Director*
	VNG Singapore PTE LTD	Không có *None*	Không có *None*	Giấy chứng nhận thành lập số 201209679M; cấp ngày 18/4/2012 bởi ACRA *Registration No. 201209679M; date of issue: 18/4/2012; place of issue: ACRA*	9 Raffles Place #08-03, Republic Plaza, Singapore (048619)	Không có *None*	Không có *None*	Công ty con *Subsidiary* Ông Lê Hồng Minh là Giám Đốc *Mr. Le Hong Minh is Director*
	VNG Investment PTE.LTD	Không có *None*	Không có *None*	Giấy chứng nhận thành lập số 202207313Z; cấp ngày 02/3/2022 bởi ACRA	9 Raffles Place #08-03, Republic Plaza, Singapore (048619)	Không có *None*	Không có *None*	Công ty con *Subsidiary* Ông Lê Hồng Minh là Giám Đốc

				Registration No. 202207313Z; date of issue: 02/3/2022; place of issue: ACRA				*Mr. Le Hong Minh is Director*
	InstantiaPay Holdings PTE.LTD	Không có *None*	Không có *None*	Giấy chứng nhận thành lập số 202231968C; cấp ngày 09/09/2022 bởi ACRA *Registration No. 202231968C; date of issue: 09/09/2022; place of issue: ACRA*	9 Raffles Place #08-03, Republic Plaza, Singapore (048619)	Không có *None*	Không có *None*	Công ty con *Subsidiary* Ông Lê Hồng Minh là Giám Đốc *Mr. Le Hong Minh is Director*
	InstantiaPay SG PTE.LTD	Không có *None*	Không có *None*	Giấy chứng nhận thành lập số 202233908W; cấp ngày 23/09/2022 bởi ACRA *Registration No. 202233908W; date of issue: 23/09/2022; place of issue: ACRA*	9 Raffles Place #08-03, Republic Plaza, Singapore (048619)	Không có/*None*	Không có/*None*	Công ty con *Subsidiary* Ông Lê Hồng Minh là Giám Đốc *Mr. Le Hong Minh is Director*
	InstantiaPay Limited (HK)	Không có *None*	Không có *None*	Giấy chứng nhận thành lập số 3203920; cấp ngày 01/11/2022 bởi Companies Registry	Unit 304-7, 3/F, Laford Centre, 838 Lai Chi Kok Road, Cheung Sha Wan, Kowloon, Hong Kong	Không có/*None*	Không có/*None*	Công ty con *Subsidiary* Ông Lê Hồng Minh là Giám Đốc *Mr. Le Hong Minh is Director*

				Registration No. 3203920, date of issue: 01/11/2022; place of issue: Companies Registry				
	InstantiaPay PTY.LTD (AUS)	Không có *None*	Không có *None*	Giấy chứng nhận thành lập số 662372394; cấp ngày 12/09/2022 bởi ASIC *Registration No. 662372394; date of issue: 12/09/2022; place of issue: ASIC*	Suite 3.45, Level 3, 60 Martin Place, Sydney NSW 2000	Không có/*None*	Không có/*None*	Công ty con *Subsidiary* Ông Lê Hồng Minh là Giám Đốc *Mr. Le Hong Minh is Director*
	Công Ty Cổ Phần GreenNode *GreenNode Joint Stock Company*	Không có *None*	Không có *None*	Mã số doanh nghiệp: 0318135471, cấp ngày 30/10/2023 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh *Registration No. 0318135471; date of issue: 30/10/2023; place of issue: Ho Chi Minh City Department of Planning & Investment*	Tòa nhà Golden King, số 15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. *Golden King Building, No. 15 Nguyen Luong Bang Street, Tan My Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.*	Không có/*None*	Không có/*None*	Công ty con *Subsidiary* Ông Lê Hồng Minh là Chủ tịch HĐQT kiêm Giám Đốc *Mr. Le Hong Minh is Chairman of the Board of Directors cum Directors*

	ZingPlay International PTE. LTD.	Không có *None*	Không có *None*	Giấy chứng nhận thành lập số 201823533C; cấp ngày 11/7/2018 bởi ACRA *Registration No. 201823533C; date of issue: 11/7/2018; place of issue: ACRA*	9 Raffles Place #08-03, Republic Plaza, Singapore (048619)	Không có/*None*	Không có/*None*	Công ty con *Subsidiary* Ông Lê Hồng Minh là Giám Đốc *Mr. Le Hong Minh is Director*
	GreenNode PTE.LTD	Không có *None*	Không có *None*	Giấy chứng nhận thành lập số 202342500W; cấp ngày 25/10/2023 bởi ACRA *Registration No. 202342500W; date of issue: 25/10/2023; place of issue: ACRA*	9 Raffles Place #08-03, Republic Plaza, Singapore (048619)	Không có/*None*	Không có/*None*	Công ty con *Subsidiary* Ông Lê Hồng Minh là Giám Đốc *Mr. Le Hong Minh is Director*
	Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Dữ Liệu Công Nghệ Thông Tin Vi Na *Vi Na Data Information Technology - Service Joint Stock Company*	068C888999 tại công ty chứng khoán Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Vietcap *068C888999 in the securities company: Vietcap*	Không có *None*	Mã số doanh nghiệp: 0304851362, cấp ngày 26/02/2007 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh. *Registration No. 0304851362; date of issue: 26/02/2007; place of issue: Ho Chi Minh City*	Tòa nhà Golden King, số 15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. *Golden King Building, No. 15 Nguyen Luong Bang Street, Tan My Ward, Ho Chi*	Không có/*None*	Không có/*None*	Công ty con *Subsidiary* Ông Lê Hồng Minh là Chủ tịch HĐQT *Mr. Le Hong Minh is Chairman of the BOD*

		Securities Joint Stock Company		*Department of Planning & Investment*	*Minh City, Vietnam.*			
	Công Ty Cổ Phần Mạng Vi Na *Vi Na Net Services Joint Stock Company*	Không có *None*	Không có *None*	Mã số doanh nghiệp: 0305418909, cấp ngày 29/12/2007 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh *Registration No. 0305418909; date of issue: 29/12/2007; place of issue: Ho Chi Minh City Department of Planning & Investment*	Z06 Đường số 13, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. *Z06 Street No. 13, Tan Thuan Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.*	Không có/*None*	Không có/*None*	Công ty con *Subsidiary* Ông Lê Hồng Minh là Chủ tịch HĐQT *Mr. Le Hong Minh is Chairman of the BOD*
	Công Ty Cổ Phần Công Nghệ EPI *EPI Technology Joint Stock Company*	Không có *None*	Không có *None*	Mã số doanh nghiệp: 0101889875, cấp ngày 14/3/2006 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội *Registration No. 0101889875; date of issue: 14/3/2006; place of issue: Ha Noi Department of Planning & Investment*	Tầng 16, Tòa nhà ROX Tower, số 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng, TP. Hà Nội, Việt Nam. *16th Floor, ROX Tower, No. 54A Nguyen Chi Thanh, Lang Ward, Ha Noi City, Vietnam.*	Không có/*None*	Không có/*None*	Công ty con *Subsidiary* Ông Lê Hồng Minh là thành viên HĐQT *Mr. Le Hong Minh is member of the BOD*

2	**Vương Quang Khải**	[redacted]	**Đồng sáng lập, Phó Chủ tịch HĐQT** ***Co-founder, Vice Chairman of the Board of Directors***	[redacted]		**1.569.678**	**5,34%**	
	Vương Trí Nhàn	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có/*None*	Không có/*None*	Bố đẻ/*Father*
	Lê Hoàng Yến	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	[redacted]	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	12.000	0,04%	Mẹ đẻ*Mother*

				[redacted]				
	Nguyễn Hoàng Lộc	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có/*None*	Không có/*None*	Bố vợ/*Father-in-law*
	Lê Thị Trang	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có/*None*	Không có/*None*	Mẹ vợ/*Mother-in-law*
	Nguyễn Thị Nghĩa	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có/*None*	Không có/*None*	Vợ/*Wife*
	Vương Khải Minh	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có/*None*	Không có/*None*	Con đẻ/*Children*
	Vương Khải Anh	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có/*None*	Không có/*None*	Con đẻ/*Children*
	Vương Khải Nam	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có/*None*	Không có/*None*	Con đẻ/*Children*
	Vương Đức Trung	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có/*None*	Không có/*None*	Anh/em ruột/*Sibling*
	Nguyễn Hồng Ngọc	Không cung cấp thông tin	Không có *None*	Không cung cấp thông tin	Không cung cấp thông tin/*Not*	Không có/*None*	Không có/*None*	Chị/em dâu/*Sister-in-law*

		Not provided information		*Not provided information*	*provided information*			
	VNG Limited	068FCD3740 tại công ty chứng khoán Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Vietcap *068FCD3740 in the securities company: Vietcap Securities Joint Stock Company*	Không có *None*	Số đăng ký 388836, cấp ngày 01/04/2022 tại Cayman Islands. *Registration No. 388836; date of issue: 01/04/2022; place of issue: Cayman Islands*	190 Elgin Avenue, George Town, Grand Cayman KY1-9008, Cayman Islands	14.080.640	47,93%	Ông Vương Quang Khải là thành viên HĐQT *Mr. Vuong Quang Khai is a member of the Board of Directors*
	Công Ty Cổ Phần Công Nghệ BIGV *BigV Technology Corporation*	068C888666 tại công ty chứng khoán Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Vietcap *068C888666 in the securities company: Vietcap Securities Joint Stock Company*	Không có *None*	Mã số doanh nghiệp: 0316949845, cấp ngày 06/08/2021 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh *NSH No. 0316949845; date of issue: 06/08/2021; place of issue: Ho Chi Minh City Department of Planning & Investment*	Tòa nhà Golden King, số 15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. *Golden King Building, No. 15 Nguyen Luong Bang Street, Tan My Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.*	6.110.547	20,80%	Ông Vương Quang Khải là thành viên HĐQT *Mr. Vuong Quang Khai is a member of the Board of Directors*

	Công Ty Cổ Phần Công Nghệ EPI *EPI Technology Joint Stock Company*	Không có *None*	Không có *None*	Mã số doanh nghiệp: 0101889875, cấp ngày 14/3/2006 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội *NSH No. 0101889875; date of issue: 14/3/2006; place of issue: Ha Noi Department of Planning & Investment*	Tầng 16, Tòa nhà ROX Tower, số 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng, TP. Hà Nội, Việt Nam. *16th Floor, ROX Tower, No. 54A Nguyen Chi Thanh, Lang Ward, Ha Noi City, Vietnam.*	Không có/*None*	Không có/*None*	Công ty con *Subsidiary* Ông Vương Quang Khải là Chủ tịch HĐQT *Mr. Vuong Quang Khai is chairman of the BOD*
	Công ty TNHH Zalo Platforms	Không có *None*	Không có *None*	Mã số doanh nghiệp: 0318836678, cấp ngày 17/02/2025 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh *Registration No. 0318836678; date of issue: 17/02/2025; place of issue: Ho Chi Minh City Department of Planning & Investment*	Tầng 2, Tòa nhà Saigon Paragon, số 3 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. *2nd Floor, Saigon Paragon building, No.3 Nguyen Luong Bang, Tan My Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.*	Không có/*None*	Không có/*None*	Công ty con *Subsidiary* Ông Vương Quang Khải làm Chủ tịch Công Ty *President of Company*
3	**Christina Gaw**	**Không có** ***None***	**Thành viên HĐQT** ***BOD member***	[redacted]		**Không có/*None***	**Không có/*None***	

				[redacted]				
	Rossana Gaw Wang	Không có *None*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có/*None*	Không có/*None*	Mẹ đẻ/ *Mother*
	Donohugh William Hug Mc Gregor	Không có *None*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có/*None*	Không có/*None*	Chồng/*Husband*
	Trinity Gaw Donohugh	Không có *None*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có/*None*	Không có/*None*	Con đẻ/*Children*
	Justin Anthony Mc Gregor Donohugh	Không có *None*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có/*None*	Không có/*None*	Con đẻ/*Children*
	Brian William Donohugh	Không có *None*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có/*None*	Không có/*None*	Con đẻ/*Children*
	Sophie Christina Donohugh	Không có *None*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có/*None*	Không có/*None*	Con đẻ/*Children*
	Goodwin Gaw	Không có *None*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có/*None*	Không có/*None*	Anh/chị em/*Siblings*
	Kenneth Gaw	Không có *None*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin	Không cung cấp thông tin/*Not*	Không có/*None*	Không có/*None*	Anh/chị em/*Siblings*

				Not provided information	*provided information*			
	VNG Limited	068FCD3740 tại công ty chứng khoán Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Vietcap *068FCD3740 in the securities company: Vietcap Securities Joint Stock Company*	Không có *None*	Số đăng ký 388836, cấp ngày 01/04/2022 tại Cayman Islands. *Registration No. 388836; date of issue: 01/04/2022; place of issue: Cayman Islands*	190 Elgin Avenue, George Town, Grand Cayman KY1-9008, Cayman Islands	14.080.640	47,93%	Bà Christina Gaw làm thành viên HĐQT/*Ms. Christina Gaw is a member of the Board of Directors*
	Công Ty Cổ Phần Công Nghệ BIGV *BigV Technology Corporation*	068C888666 tại công ty chứng khoán Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Vietcap *068C888666 in the securities company: Vietcap Securities Joint Stock Company*	Không có *None*	Mã số doanh nghiệp: 0316949845, cấp ngày 06/08/2021 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh *NSH No. 0316949845; date of issue: 06/08/2021; place of issue: Ho Chi Minh City Department of Planning & Investment*	Tòa nhà Golden King, số 15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. *Golden King Building, No. 15 Nguyen Luong Bang Street, Tan My Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.*	6.110.547	20,80%	Bà Christina Gaw là thành viên HĐQT/*Ms. Christina Gaw is a member of the Board of Directors*

	GAW CAPITAL PARTNERS	Không có *None*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có/*None*	Không có/*None*	Bà Christina Gaw là Tổng giám đốc điều hành, Trưởng phòng Thị trường vốn toàn cầu và Đồng chủ tịch Đầu tư thay thế *Managing Principal, Head of Global Capital Markets and Co-Chair of Alternative Investments*
	Pioneer Global Group Limited	Không có *None*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có/*None*	Không có/*None*	Bà Christina Gaw là Giám đốc điều hành *Executive Director*
	CLP Holdings Limited	Không có *None*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có/*None*	Không có/*None*	Bà Christina Gaw là Thành viên HĐQT độc lập *Independent Non-executive Director*
	JD Logistics, Inc	Không có *None*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có/*None*	Không có/*None*	Bà Christina Gaw là thành viên HĐQT độc lập và thành viên của Ủy Ban Kiểm Toán *Independent non-executive Director and member of the audit committee*
4	**Edphawin Jetjirawat**	**Không có** ***None***	**Thành viên HĐQT** ***BOD member***	[redacted]		**Không có/*None***	**Không có/*None***	

				[redacted]				
	Somyod Jetjirawat	Không có *None*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có/*None*	Không có/*None*	Bố đẻ/*Father*
	Usa Jetjirawat	Không có *None*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có/*None*	Không có/*None*	Mẹ đẻ/*Mother*
	Rosana Jetjirawat	Không có *None*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có/*None*	Không có/*None*	Vợ/*Wife*
	Athit Jetjirawat	Không có *None*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có/*None*	Không có/*None*	Con đẻ/*Children*
	Chayond Jetjirawat	Không có *None*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có/*None*	Không có/*None*	Anh/em trai/*Brothers*
	VNG Limited	068FCD3740 tại công ty chứng khoán Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Vietcap *068FCD3740 in the securities company: Vietcap*	Không có *None*	Số đăng ký 388836, cấp ngày 01/04/2022 tại Cayman Islands. *Registration No. 388836; date of issue: 01/04/2022; place of issue: Cayman Islands*	190 Elgin Avenue, George Town, Grand Cayman KY1-9008, Cayman Islands	14.080.640	47,93%	Ông Edphawin Jetjirawat là thành viên HĐQT *Mr. Edphawin Jetjirawat is a member of the Board of Directors*

		Securities Joint Stock Company						
	Công Ty Cổ Phần Công Nghệ BIGV *BigV Technology Corporation*	068C888666 tại công ty chứng khoán Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Vietcap *068C888666 in the securities company: Vietcap Securities Joint Stock Company*	Không có *None*	Mã số doanh nghiệp: 0316949845, cấp ngày 06/08/2021 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh *Registration No. 0316949845; date of issue: 06/08/2021; place of issue: Ho Chi Minh City Department of Planning & Investment*	Tòa nhà Golden King, số 15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. *Golden King Building, No. 15 Nguyen Luong Bang Street, Tan My Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.*	6.110.547	20,80%	Ông Edphawin Jetjirawat là thành viên HĐQT *Mr. Edphawin Jetjirawat is a member of the Board of Directors*
	MURASAKI COMPANY LIMITED	Không có *None*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có/*None*	Không có/*None*	Ông Edphawin Jetjirawat làm Nhà đầu tư & Giám đốc *Investor & Director*
	WINE CONNECTION	Không có *None*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có/*None*	Không có/*None*	Ông Edphawin Jetjirawat làm Thành Viên Hội Đội Quản Trị *BOD Member*
	OAK FOREST HOLDINGS LIMITED	Không có *None*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có/*None*	Không có/*None*	Ông Edphawin Jetjirawat làm Nhà đầu tư & Giám đốc *Investor & Director*

	Vietnam Enterprise Investments Ltd	Không có *None*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có/*None*	Không có/*None*	Ông Edphawin Jetjirawat làm Thành Viên Hội Đội Quản Trị *BOD Member*
5	**Nguyễn Lê Thành**	**003C388636 tại Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI** ***003C388636 at SSI Securities Joint Stock Company***	**PTGĐ VNG Group,** ***Vice President of VNG Group***	[redacted]		**174.337**	**0,59%**	
	Lê Thị Phấn	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có/*None*	Không có/*None*	Mẹ đẻ/*Mother*
	Trần Quốc Huy	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có/*None*	Không có/*None*	Bố vợ/*Father-in-law*
	Phạm Thị Phương	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có/*None*	Không có/*None*	Mẹ vợ/*Mother-in-law*
	Trần Phương Thảo	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có/*None*	Không có/*None*	Vợ/*Wife*
	Nguyễn Quang Minh	Không cung cấp thông tin	Không có *None*	Không cung cấp thông tin	Không cung cấp thông tin/*Not*	Không có/*None*	Không có/*None*	Con đẻ/*Children*

		Not provided information		*Not provided information*	*provided information*			
	Nguyễn Thảo Minh	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có/*None*	Không có/*None*	Con đẻ/*Children*
	Nguyễn Quang Hiệp	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có/*None*	Không có/*None*	Anh/em ruột/*Sibling*
	Bùi Thị Bích Hạnh	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có/*None*	Không có/*None*	Chị/em dâu/*Sister-in-law*
	Trần Ngọc Phương Trinh	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có/*None*	Không có/*None*	Chị/em dâu/*Sister-in-law*
	Verichains SG PTE. LTD.	Không có *None*	Không có *None*	Giấy chứng nhận thành lập số 202224603W; cấp ngày 15/7/2022 bởi ACRA *Registration No. 202224603W; date of issue: 15/7/2022; place of issue: ACRA*	9 Raffles Place #08-03, Republic Plaza, Singapore (048619)	Không có/*None*	Không có/*None*	Ông Nguyễn Lê Thành là Giám Đốc và sở hữu 60% vốn điều lệ *Mr. Nguyen Le Thanh is Director and owns 60% of the charter capital*
	Công Ty Cổ Phần GreenNode	Không có *None*	Không có *None*	Mã số doanh nghiệp: 0318135471, cấp ngày 30/10/2023 bởi	Tòa nhà Golden King, số 15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ,	Không có/*None*	Không có/*None*	Công ty con *Subsidiary* Ông Nguyễn Lê Thành là thành viên HĐQT

	GreenNode Joint Stock Company			Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh *NSH No. 0318135471; date of issue: 30/10/2023; place of issue: Ho Chi Minh City Department of Planning & Investment*	TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. *Golden King Building, No. 15 Nguyen Luong Bang Street, Tan My Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.*			*Mr. Nguyen Le Thanh is member of the BOD*
	GreenNode PTE.LTD	Không có *None*	Không có *None*	Giấy chứng nhận thành lập số 202342500W; cấp ngày 25/10/2023 bởi ACRA *Registration No. 202342500W; date of issue: 25/10/2023; place of issue: ACRA*	9 Raffles Place #08-03, Republic Plaza, Singapore (048619)	Không có/*None*	Không có/*None*	Công ty con *Subsidiary* Ông Nguyễn Lê Thành là Giám Đốc *Mr. Nguyen Le Thanh is Director*
	Polaris Infosec Pte. Ltd	Không có *None*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có/*None*	Không có/*None*	Ông Nguyễn Lê Thành là cổ đông *Mr. Nguyen Le Thanh is shareholder*
	Công Ty Cổ Phần Verichains *Verichains Joint Stock Company*	Không có *None*	Không có *None*	Mã số doanh nghiệp: 0317231038, cấp ngày 04/4/2022 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh	Tầng 2, Tòa nhà Saigon Paragon, số 3 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Không có/*None*	Không có/*None*	Ông Nguyễn Lê Thành là Giám Đốc kiêm Chủ Tịch HĐQT và sở hữu 50% vốn điều lệ *Mr. Nguyen Le Thanh is Director cum Chairman of the BOD and owns*

				Registration No. 0317231038; date of issue: 04/4/2022; place of issue: Ho Chi Minh City Department of Planning & Investment	*Floor 2, Saigon Paragon Building, No. 3 Nguyen Luong Bang Street, Tan My Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.*			*50% of the charter capital*
6	**Wong Kelly Yin Hon**	**Không có** ***None***	**Tổng Giám Đốc** ***CEO***	[redacted]		**Không có/*None***	**Không có/*None***	
	Marcus Vinh Phong Wong	Không có *None*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có/*None*	Không có/*None*	Con đẻ/*Children*
	Mai Wai Yin Wong	Không có *None*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có/*None*	Không có/*None*	Con đẻ/*Children*
	VNG Singapore PTE LTD	Không có *None*	Không có *None*	Giấy chứng nhận thành lập số 201209679M; cấp ngày 18/4/2012 bởi ACRA	9 Raffles Place #08-03, Republic Plaza, Singapore (048619)	Không có/*None*	Không có/*None*	Công ty con *Subsidiary* Ông Wong Kelly Yin Hon là Giám Đốc

				Registration No. 201209679M; date of issue: 18/4/2012; place of issue: ACRA				*Mr. Wong Kelly Yin Hon is Director*
	KMZ Interactive Entertainment (Shenzhen) Co., Ltd	Không có *None*	Không có *None*	Giấy chứng nhận thành lập số 91440300MA5HC0HF82; cấp ngày 30/5/2022 bởi Shenzhen AMR *Registration No. 91440300MA5HC0HF82; date of issue: 30/5/2022; place of issue: Shenzhen AMR*	1484-2, Unit 14A, 14/F Times Financial Centre, No.4001 Shennan Avenue, Futian District, Shenzhen, China	Không có/*None*	Không có/*None*	Công ty con *Subsidiary* Ông Wong Kelly Yin Hon là thành viên HĐQT *Mr. Wong Kelly Yin Hon is member of the BOD*
	Công Ty Cổ Phần Zion *Zion Joint Stock Company*	Không có *None*	Không có *None*	Mã số doanh nghiệp: 0101659783, cấp ngày 22/4/2005 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội *Registration No. 0101659783; date of issue: 22/4/2005; place of issue: Ha Noi Department of Planning & Investment*	Z06 Đường số 13, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. *Z06 Street No. 13, Tan Thuan Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.*	Không có *None*	Không có *None*	Công ty con *Subsidiary* Ông Wong Kelly Yin Hon là thành viên HĐQT *Mr. Wong Kelly Yin Hon is member of the BOD*

	Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ - Dữ Liệu Công Nghệ Thông Tin Vi Na *Vi Na Data Information Technology - Service Joint Stock Company*	068C888999 tại công ty chứng khoán Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Vietcap *068C888999 in the securities company: Vietcap Securities Joint Stock Company*	Không có *None*	Mã số doanh nghiệp: 0304851362, cấp ngày 26/02/2007 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh *NSH No. 0304851362; date of issue: 26/02/2007; place of issue: Ho Chi Minh City Department of Planning & Investment*	Tòa nhà Golden King, số 15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. *Golden King Building, No. 15 Nguyen Luong Bang Street, Tan My Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.*	Không có *None*	Không có *None*	Ông Wong Kelly Yin Hon là thành viên HĐQT kiêm Giám Đốc *Mr. Wong Kelly Yin Hon is member of the BOD cum Director*
	VNGGames PTE. LTD.	Không có *None*	Không có *None*	Giấy chứng nhận thành lập số 202529066M; cấp ngày 04/7/2025 bởi ACRA *Registration No. 202529066M; date of issue: 04/7/2025; place of issue: ACRA*	9 Raffles Place #08-03, Republic Plaza, Singapore (048619)	Không có *None*	Không có *None*	Công ty con *Subsidiary* Ông Wong Kelly Yin Hon là Giám Đốc *Mr. Wong Kelly Yin Hon is Director*
	Verichains SG PTE. LTD.	Không có *None*	Không có *None*	Giấy chứng nhận thành lập số 202224603W; cấp ngày 15/7/2022 bởi ACRA	9 Raffles Place #08-03, Republic Plaza, Singapore (048619)	Không có *None*	Không có *None*	Ông Wong Kelly Yin Hon là Giám Đốc/*Mr. Wong Kelly Yin Hon is Director*

				Registration No. 202224603W; date of issue: 15/7/2022; place of issue: ACRA				
	Công Ty Cổ Phần Verichains *Verichains Joint Stock Company*	Không có *None*	Không có *None*	Mã số doanh nghiệp: 0317231038, cấp ngày 04/4/2022 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh *Registration No. 0317231038; date of issue: 04/4/2022; place of issue: Ho Chi Minh City Department of Planning & Investment*	Tầng 2, Tòa nhà Saigon Paragon, số 3 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. *Floor 2, Saigon Paragon Building, No. 3 Nguyen Luong Bang Street, Tan My Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.*	Không có *None*	Không có *None*	Ông Wong Kelly Yin Hon là thành viên HĐQT *Mr. Wong Kelly Yin Hon is member of the BOD*
	Công Ty TNHH VNGGames *VNGGames Co., Ltd*	Không có *None*	Không có *None*	Mã số doanh nghiệp: 0319088834, cấp ngày 11/08/2025 bởi Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh. *Registration No. 0319088834, date of issue: 11/08/2025, place of issue: Ho Chi Minh City*	Tầng 2, Tòa nhà Saigon Paragon, số 3 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. *2nd Floor, Saigon Paragon Building, No.3 Nguyen Luong Bang, Tan My*	Không có *None*	Không có *None*	Ông Wong Kelly Yin Hon là Chủ Tịch Công Ty *Mr. Wong Kelly Yin Hon is chairman of the Company*

				Department of Finance.	*Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.*			
7	**Tan Wei Ming**	**Không có** ***None***	**Phó Tổng Giám Đốc Tài Chính kiêm Người Ủy Quyền CBTT** ***Chief Finance Officer/ Authorized Person to Disclose Information***	[redacted]		**Không có** ***None***	**Không có** ***None***	
	Liesl Reichelt	Không có *None*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không có *None*	Vợ *Wife*
	Hugo Tan Zhi Yang	Không có *None*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không có *None*	Con đẻ *Children*
	Mia Tan Li Shen	Không có *None*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không có *None*	Con đẻ *Children*
	Eliza Tan Ai Shen	Không có *None*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không có *None*	Con đẻ *Children*

	VNG Limited	068FCD3740 tại công ty chứng khoán Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Vietcap *068FCD3740 in the securities company: Vietcap Securities Joint Stock Company*	Không có *None*	Số đăng ký 388836, cấp ngày 01/04/2022 tại Cayman Islands. *Registration No. 388836; date of issue: 01/04/2022; place of issue: Cayman Islands*	190 Elgin Avenue, George Town, Grand Cayman KY1-9008, Cayman Islands	14.080.640	47,93%	Ông Tan Wei Ming là Giám Đốc Tài Chính *Mr. Tan Wei Ming is Chief Finance Officer*
	VNG Singapore PTE LTD	Không có *None*	Không có *None*	Giấy chứng nhận thành lập số 201209679M; cấp ngày 18/4/2012 bởi ACRA *Registration No. 201209679M; date of issue: 18/4/2012; place of issue: ACRA*	9 Raffles Place #08-03, Republic Plaza, Singapore (048619)	Không có *None*	Không có *None*	Công ty con *Subsidiary* Ông Tan Wei Ming là Giám Đốc *Mr. Tan Wei Ming is Director*
	ZingPlay International PTE. LTD.	Không có *None*	Không có *None*	Giấy chứng nhận thành lập số 201823533C; cấp ngày 11/7/2018 bởi ACRA *Registration No. 201823533C; date of*	9 Raffles Place #08-03, Republic Plaza, Singapore (048619)	Không có *None*	Không có *None*	Công ty con *Subsidiary* Ông Tan Wei Ming là Giám Đốc *Mr. Tan Wei Ming is Director*

				issue: 11/7/2018; place of issue: ACRA				
	VNG Investment PTE.LTD	Không có *None*	Không có *None*	Giấy chứng nhận thành lập số 202207313Z; cấp ngày 02/3/2022 bởi ACRA *Registration No. 202207313Z; date of issue: 02/3/2022; place of issue: ACRA*	9 Raffles Place #08-03, Republic Plaza, Singapore (048619)	Không có *None*	Không có *None*	Công ty con *Subsidiary* Ông Tan Wei Ming là Giám Đốc *Mr. Tan Wei Ming is Director*
	InstantiaPay Holdings PTE.LTD	Không có *None*	Không có *None*	Giấy chứng nhận thành lập số 202231968C; cấp ngày 09/09/2022 bởi ACRA *Registration No. 202231968C; date of issue: 09/09/2022; place of issue: ACRA*	9 Raffles Place #08-03, Republic Plaza, Singapore (048619)	Không có *None*	Không có *None*	Công ty con *Subsidiary* Ông Tan Wei Ming là Giám Đốc *Mr. Tan Wei Ming is Director*
	InstantiaPay SG PTE.LTD	Không có *None*	Không có *None*	Giấy chứng nhận thành lập số 202233908W; cấp ngày 23/09/2022 bởi ACRA *Registration No. 202233908W; date of*	9 Raffles Place #08-03, Republic Plaza, Singapore (048619)	Không có *None*	Không có *None*	Công ty con *Subsidiary* Ông Tan Wei Ming là Giám Đốc *Mr. Tan Wei Ming is Director*

				issue: 23/09/2022; place of issue: ACRA				
	Verichains SG PTE.LTD	Không có *None*	Không có *None*	Giấy chứng nhận thành lập số 202224603W; cấp ngày 15/7/2022 bởi ACRA *Registration No. 202224603W; date of issue: 15/7/2022; place of issue: ACRA*	9 Raffles Place #08-03, Republic Plaza, Singapore (048619)	Không có *None*	Không có *None*	Công ty con *Subsidiary* Ông Tan Wei Ming là Giám Đốc *Mr. Tan Wei Ming is Director*
	InstantiaPay Limited (HK)	Không có *None*	Không có *None*	Giấy chứng nhận thành lập số 3203920; cấp ngày 01/11/2022 bởi Companies Registry *Registration No. 3203920, date of issue: 01/11/2022; place of issue: Companies Registry*	Unit 304-7, 3/F, Laford Centre, 838 Lai Chi Kok Road, Cheung Sha Wan, Kowloon, Hong Kong	Không có *None*	Không có *None*	Công ty con *Subsidiary* Ông Tan Wei Ming là Giám Đốc *Mr. Tan Wei Ming is Director*
	InstantiaPay Limited (UK)	Không có *None*	Không có *None*	Giấy chứng nhận thành lập số 14373753; cấp ngày 23/09/2022 bởi Company House *Registration No. 14373753; date of*	Third Floor, 20 Old Bailey, London, EC4M 7AN, United Kingdom	Không có *None*	Không có *None*	Công ty con *Subsidiary* Ông Tan Wei Ming là Giám Đốc *Mr. Tan Wei Ming is Director*

				issue: 23/09/2022; place of issue: Company House				
	Công Ty Cổ Phần GreenNode *GreenNode Joint Stock Company*	Không có *None*	Không có *None*	Mã số doanh nghiệp: 0318135471, cấp ngày 30/10/2023 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh *NSH No. 0318135471; date of issue: 30/10/2023; place of issue: Ho Chi Minh City Department of Planning & Investment*	Tòa nhà Golden King, số 15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. *Golden King Building, No. 15 Nguyen Luong Bang Street, Tan My Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.*	Không có *None*	Không có *None*	Công ty con *Subsidiary* Ông Tan Wei Ming là thành viên HĐQT *Mr. Tan Wei Ming is member of the BOD*
	GreenNode PTE.LTD	Không có *None*	Không có *None*	Giấy chứng nhận thành lập số 202342500W; cấp ngày 25/10/2023 bởi ACRA *Registration No. 202342500W; date of issue: 25/10/2023; place of issue: ACRA*	9 Raffles Place #08-03, Republic Plaza, Singapore (048619)	Không có *None*	Không có *None*	Công ty con *Subsidiary* Ông Tan Wei Ming là Giám Đốc *Mr. Tan Wei Ming is Director*
	Công Ty Cổ Phần VNG Data Center	Không có *None*	Không có *None*	Mã số doanh nghiệp: 0317176017, cấp ngày 03/3/2020 bởi	Z06 Đường số 13, KCN trong KCX Tân Thuận, Phường	Không có *None*	Không có *None*	Công ty con *Subsidiary* Ông Tan Wei Ming là Chủ tịch HĐQT

	VNG Data Center Joint Stock Company			Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh. *Registration No. 0317176017; date of issue: 03/3/2020; place of issue: Ho Chi Minh City Department of Planning & Investment*	Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. *Z06 Street No. 13, Industry Park in Tan Thuan EPZ, Tan Thuan Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.*			*Mr. Tan Wei Ming is chairman of the BOD*
	Công Ty Cổ Phần Phát Triển Phần Mềm VTH *VTH Software Development Joint Stock Company*	Không có *None*	Không có *None*	Mã số doanh nghiệp: 0317484078, cấp ngày 21/09/2020 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh *Registration No. 0317484078; date of issue: 21/09/2020; place of issue: Ho Chi Minh City Department of Planning & Investment*	Z06 Đường số 13, KCN trong KCX Tân Thuận, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. *Z06 Street No. 13, Industry Park in Tan Thuan EPZ, Tan Thuan Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.*	Không có *None*	Không có *None*	Ông Tan Wei Ming là thành viên HĐQT *Mr. Tan Wei Ming is member of the BOD*
	Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Mạng Vi Na *Vi Na Net Services Joint Stock Company*	Không có *None*	Không có *None*	Mã số doanh nghiệp: 0305418909, cấp ngày 29/12/2007 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh	Z06 Đường số 13, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Không có *None*	Không có *None*	Ông Tan Wei Ming là thành viên HĐQT *Mr. Tan Wei Ming is member of the BOD*

				Registration No. 0305418909; date of issue: 29/12/2007; place of issue: Ho Chi Minh City Department of Planning & Investment	*Z06 Street No. 13, Tan Thuan Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.*			
	Công Ty Cổ Phần Verichains *Verichains Joint Stock Company*	Không có *None*	Không có *None*	Mã số doanh nghiệp: 0317231038, cấp ngày 04/4/2022 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh *Registration No. 0317231038; date of issue: 04/4/2022; place of issue: Ho Chi Minh City Department of Planning & Investment*	Tầng 2, Tòa nhà Saigon Paragon, số 3 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. *Floor 2, Saigon Paragon Building, No. 3 Nguyen Luong Bang Street, Tan My Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.*	Không có *None*	Không có *None*	Ông Tan Wei Ming là thành viên HĐQT *Mr. Tan Wei Ming is member of the BOD*
8	**Trương Thị Thanh**	**Không cung cấp thông tin** ***Not provided information***	**Phó Tổng Giám Đốc** ***Vice President***	[redacted]		**68.675**	**0,23%**	

				[redacted]				
	Trương Văn Huy	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không có *None*	Bố đẻ
	Vũ Thị Liên	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không có *None*	Mẹ đẻ
	Trương Vũ Nhật Minh	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không có *None*	Con trai
	Trương Công Hoàng	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không có *None*	Em trai
	Trương Công Anh	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không có *None*	Em trai

	Nguyễn Thị Minh	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không có *None*	Em dâu
	Hoàng Thị Hồng	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không có *None*	Em dâu
	Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Truyền Thông Thanh Sơn *Thanh Son Communication Services Trading Company Limited*	Không có *None*	Không có *None*	Mã số doanh nghiệp: 0105370181, cấp ngày 20/6/2011 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội *Registration No. 0105370181; date of issue: 20/6/2011; place of issue: Ha Noi Department of Planning & Investment*	Tầng 17, Tòa nhà ROX Tower, số 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng, TP. Hà Nội, Việt Nam. *17th Floor, ROX Tower, No. 54A Nguyen Chi Thanh, Lang Ward, Ha Noi City, Vietnam.*	Không có *None*	Không có *None*	Bà Trương Thị Thanh là Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên *Ms. Truong Thi Thanh is Chairwoman of the Board of Members*
	Công Ty Cổ Phần Zion *Zion Joint Stock Company*	Không có *None*	Không có *None*	Mã số doanh nghiệp: 0101659783, cấp ngày 22/4/2005 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội *Registration No. 0101659783; date of*	Z06 Đường số 13, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. *Z06 Street No. 13, Tan Thuan Ward,*			Bà Trương Thị Thanh là người ủy quyền đại diện phần vốn góp của Công Ty Cổ Phần Zion tại Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Truyền Thông Thanh Sơn *Ms. Truong Thi Thanh is the authorized*

				issue: 22/4/2005; place of issue: Ha Noi Department of Planning & Investment	*Ho Chi Minh City, Vietnam.*			*representative of Zion Joint Stock Company's capital contribution at Thanh Son Media Service Trading Co., Ltd.*
9	**Hoàng Anh**	**Không có** ***None***	**Trưởng BKS** ***Head of BOS***	[redacted]		**1.283**	**0,004**	**-**
	Hoàng Văn Việt	Không có *None*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có *None*	Không có *None*	Bố *Father*
	Nguyễn Thị Minh	Không có *None*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có *None*	Không có *None*	Mẹ *Mother*

	Hoàng Thị Việt Hưng	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có *None*	Không có *None*	Em *Siblings*
	Đinh Công Cường	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có *None*	Không có *None*	Em rể *Brother in law*
	Lê Công Cát	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có *None*	Không có *None*	Bố vợ *Father in law*
	Nguyễn Thị Hải	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có *None*	Không có *None*	Mẹ vợ *Mother in law*
	Lê Thị Long	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có *None*	Không có *None*	Em vợ *Sister in law*
	Lê Thị Liên	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có *None*	Không có *None*	Em vợ *Sister in law*
	Lê Công Linh	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có *None*	Không có *None*	Em vợ *Brother in law*
	Lê Thị Loan	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có *None*	Không có *None*	Vợ *Spouse*

10	**Vũ Thành Long**	**Không cung cấp thông tin** ***Not provided information***	**Thành viên BKS** ***BOS Member***	[redacted]		**412**	**0,001%**	**-**
	Dương Thị Hồng Nhi	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có *None*	Không có *None*	Vợ/*Wife*
	Vũ Hoàng Minh	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có *None*	Không có *None*	Con ruột/*Children*
	Vũ Dương Đăng Khôi	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có *None*	Không có *None*	Con ruột*Children*
	Vũ Xuân Bội	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có *None*	Không có *None*	Bố ruột/*Father*

	Nguyễn Thị Thúy Lụa	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có *None*	Không có *None*	Mẹ ruột/*Mother*
	Vũ Ngọc Ngà	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có *None*	Không có *None*	Em ruột/*Sibling*
	Vũ Thị Thanh Ngọc	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có *None*	Không có *None*	Em ruột/*Sibling*
11	**Ngô Vi Hải Long**	**Không cung cấp thông tin *Not provided information***	**Thành viên BKS *Member of BOS***	[redacted]		**411**	**0,001%**	**-**
	Ngô Vi Lam Sơn	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	[redacted]	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có *None*	Không có *None*	Bố/*Father*

				[redacted]				
	Phạm Bích Ngọc	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*		Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có *None*	Không có *None*	Mẹ/*Mother*
	Nguyễn Thị Định	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*		Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có *None*	Không có *None*	Mẹ vợ/*Mother in law*

				[redacted]				
	Võ Hoàng Bảo Vi	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*		Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có *None*	Không có *None*	Vợ/*Spouse*
	Ngô Hoàng Minh Khuê	Không cung cấp thông tin	Không có *None*	Còn nhỏ/*immature*	Không cung cấp thông tin/*Not*	Không có *None*	Không có *None*	Con/*Children*

		Not provided information			*provided information*			
	Ngô Vi Minh Đức	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Còn nhỏ/*immature*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có *None*	Không có *None*	Con/*Children*
	Ngô Thị Minh Tâm	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	[redacted]	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có *None*	Không có *None*	Em/*Siblings*
12	**Lê Trung Tín**	**Không cung cấp thông tin *Not provided information***	**Kế toán trưởng *Chief Accountant***	[redacted]	[redacted]	**4.482**	**0,02%**	**-**

				[redacted]				
	Lê Văn Thành	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có *None*	Không có *None*	Bố đẻ/*Father*
	Phan Thị Thức	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có *None*	Không có *None*	Mẹ đẻ/*Mother*
	Đỗ Văn Hải	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có *None*	Không có *None*	Bố vợ/*Father-in-law*
	Nguyễn Thị Dược	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có *None*	Không có *None*	Mẹ vợ/*Mother-in-law*
	Đỗ Thị An Bình	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có *None*	Không có *None*	Vợ/*Wife*
	Lê Trung Hiếu	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có *None*	Không có *None*	Con đẻ/*Children*
	Lê Trung Kiên	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có *None*	Không có *None*	Con đẻ/*Children*
	Lê Thị Ngọc Chọn	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có *None*	Không có *None*	Chị/em gái/*Sisters*

	Trần Quốc Đại	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có *None*	Không có *None*	Anh/em rể/*Brother in law*
	Lê Thị Ngọc Loa	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có *None*	Không có *None*	Chị/em gái/*Sisters*
	Đỗ Nhất Long	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có *None*	Không có *None*	Anh/em rể/*Brother in law*
	Đỗ Thị Hà Trang	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không cung cấp thông tin/*Not provided information*	Không có *None*	Không có *None*	Chị/em dâu/*Sister-in-law*
13	**Ahuja Varun**	**Không có** ***None***	**Giám Đốc Quan hệ Nhà đầu tư và Chiến lược Doanh nghiệp kiêm Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty/** ***Head of Investor Relations and Corporate Strategy cum Corporate***	[redacted]		**Không có** ***None***	**Không có** ***None***	**-**

			Governance Officer					
	Radhika Singal	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không có *None*	Vợ *Spouse*
	Samaira Ahuja	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không có *None*	Con gái *Daughter*
	Vinod Kumar Ahuja	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không có *None*	Bố *Father*
	Shuchita Madan	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không có *None*	Chị em gái *Sister*
	Suresh Singal	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không có *None*	Bố vợ *Father-in-law*
	Surekha Singal	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không có *None*	Mẹ vợ *Mother-in-law*
	Rishav Singal	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không có *None*	Anh em rể *Brother-in-law*
	Shruti Bahl Singal	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không có *None*	Chị em dâu *Sister-in-law*

	Funding Asia Group PTE.LTD	Không có *None*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không có *None*	Ông Ahuja Varun là giám đốc *Mr. Ahuja Varun is a director*
	Công Ty Cổ Phần Dayone Holding *Dayone Holding Joint Stock Company*	Không có *None*	Không có *None*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không cung cấp thông tin *Not provided information*	Không có *None*	Không có *None*	Ông Ahuja Varun là thành viên HĐQT *Mr. Ahuja Varun is member of the BOD*
	Công Ty Cổ Phần VNG Data Center *VNG Data Center Joint Stock Company*	Không có *None*	Không có *None*	Mã số doanh nghiệp: 0317176017, cấp ngày 03/3/2020 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh. *Registration No. 0317176017; date of issue: 03/3/2020; place of issue: Ho Chi Minh City Department of Planning & Investment*	Z06 Đường số 13, KCN trong KCX Tân Thuận, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. *Z06 Street No. 13, Industry Park in Tan Thuan EPZ, Tan Thuan Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.*	Không có *None*	Không có *None*	Ông Ahuja Varun là thành viên HĐQT *Mr. Ahuja Varun is member of the BOD*
	Công Ty Cổ Phần Phát Triển Phần Mềm VTH *VTH Software Development Joint Stock Company*	Không có *None*	Không có *None*	Mã số doanh nghiệp: 0317484078, cấp ngày 21/09/2020 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh *Registration No. 0317484078; date of*	Z06 Đường số 13, KCN trong KCX Tân Thuận, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Không có *None*	Không có *None*	Ông Ahuja Varun là thành viên HĐQT *Mr. Ahuja Varun is member of the BOD*

				issue: 21/09/2020; place of issue: Ho Chi Minh City Department of Planning & Investment	*Z06 Street No. 13, Industry Park in Tan Thuan EPZ, Tan Thuan Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.*			

PHỤ LỤC 4

Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Công Ty

APPENDIX 4

Transactions of internal persons and related persons with shares of the Company

STT *No.*	Người thực hiện giao dịch *Transaction executor*	Quan hệ với người nội bộ *Relationship with internal persons*	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ *Number of shares owned at the beginning of the period*		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) *Reasons for increasing, decreasing (buying, selling, converting, rewarding, etc.)*
			Số cổ phiếu *Number of shares*	Tỷ lệ *Percentage*	Số cổ phiếu *Number of shares*	Tỷ lệ *Percentage*	
1	Nguyễn Lê Thành	Người nội bộ/*Internal Person*	141.037	0,49%	174.337	0,59%	Mua 34.000 cổ phiếu theo Chương trình phát hành cổ phiếu cho người lao động 2024 *Purchasing 34,000 shares under ESOP 2024* Bán 700 cổ phiếu *Selling 700 shares*
2	Vương Quang Khải	Người nội bộ/*Internal Person*	1.435.011	4,99%	1.569.678	5,34%	Mua 134.667 cổ phiếu theo Chương trình phát hành cổ phiếu cho người lao động 2024 *Purchasing 134,667 shares under ESOP 2024*

3	Hoàng Anh	Người nội bộ/*Internal Person*	250	0,001	1.283	0,004%	Mua 1.033 cổ phiếu theo Chương trình phát hành cổ phiếu cho người lao động 2024 *Purchasing 1,033 shares under ESOP 2024*
4	Lê Trung Tín	Người nội bộ/*Internal Person*	2.665	0,01%	4.482	0,02%	Mua 1.817 cổ phiếu theo Chương trình phát hành cổ phiếu cho người lao động 2024 *Purchasing 1,817 shares under ESOP 2024*
5	Ngô Vi Hải Long	Người nội bộ/*Internal Person*	225	0,001	411	0,001%	Mua 186 cổ phiếu theo Chương trình phát hành cổ phiếu cho người lao động 2024 *Purchasing 186 shares under ESOP 2024*
6	Vũ Thành Long	Người nội bộ/*Internal Person*	0	0	412	0,001%	Mua 412 cổ phiếu theo Chương trình phát hành cổ phiếu cho người lao động 2024 *Purchasing 412 shares under ESOP 2024*
7	Trương Thị Thanh	Người nội bộ/*Internal Person*	60.283	0,21	68.675	0,23%	Mua 8.392 cổ phiếu theo Chương trình phát hành cổ phiếu cho người lao động 2024 *Purchasing 8,392 shares under ESOP 2024*